FORTEX

Until Perfect

2025 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

www.fortex.com.vn

MỤC LỤC

1. THÔNG ĐIỆP HĐQT 4
2. THÔNG TIN CƠ CHUNG 5
3. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN 6
4. NGÀNH NGHỀ VÀ THỊ TRƯỜNG KINH DOANH ..... 7 -11
5. NHÀ MÁY VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT 12-13
6. THÀNH TÍCH VÀ CÁC GIẢI THƯỞNG 14
7. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ 15
8. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 16-17
9. QUẢN TRỊ RỦI RO 18-22
10. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 23
11. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ 24-30
12. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ CÁC DỰ ÁN 31-32
13. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 33-34
14. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ CHỦ SỞ 35
15. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG 37-39
16. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 40-52
    - Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 40
    - Tình hình tài chính 41-42
    - Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý 42-43
    - Phương hướng hoạt động 2026 49-51
    - Giải trình của Ban Tổng Giám Đốc với ý kiến của kiểm toán 52
17. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 53-57
    - Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty 53
    - Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc 54-55
    - Kế hoạch định hướng năm 2026 56-57
18. QUẢN TRỊ CÔNG TY & HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 57-60
17. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 64

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUẢN
Ký ngày: 23-4-2026 16:33:55

BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các nhân tố rủi ro	19
Bảng 2: Thành viên Ban điều hành	24
Bảng 3: Các khoản đầu tư lớn của Fortex	31
Bảng 4: Tình hình tài chính năm 2025 của Công ty	33
Bảng 5: Các chỉ tiêu tài chính	34
Bảng 6: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2026	35
Bảng 7: Cơ cấu Tài sản Doanh nghiệp	41
Bảng 8: Cơ cấu Nguồn vốn Doanh nghiệp	42
Bảng 9: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026	57
Bảng 10: Thành viên HĐQT	58
Bảng 11: Thông tin HĐQT	60
Bảng 12: Các nghị quyết HĐQT	60
Bảng 13: Thông tin về thành viên ủy ban kiểm toán	61
Bảng 14: Các cuộc họp ủy ban kiểm toan	62

1 THÔNG ĐIỆP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Toàn thể Cán bộ Nhân viên,

Năm 2025 là một năm đầy biến động và thử thách đối với ngành sản xuất sợi cũng như đối với Công ty chúng ta. Sự suy giảm nhu cầu của thị trường dệt may toàn cầu, cạnh tranh gay gắt về giá, cùng với biến động của chi phí nguyên liệu, logictic và tài chính đã tạo áp lực lớn đến hiệu quả hoạt động. Trong bối cảnh đó, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh chưa đạt kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên, trong khó khăn, chúng ta đã thể hiện rõ tinh thần kiên định và khả năng thích ứng. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã tập trung duy trì hoạt động sản xuất ổn định, giữ vững mối quan hệ với khách hàng, kiểm soát chi phí và bảo đảm việc làm cho người lao động. Chúng tôi đã chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất theo đơn hàng, tăng cường kiểm soát chi phí, tối ưu tồn kho và nâng cao năng suất hiệu quả sử dụng máy nhằm hạn chế tối đa tác động tiêu cực từ thị trường.

Chúng tôi nhận thức rằng ngành sợi luôn mang tính chu kỳ và sự phục hồi của thị trường cần thời gian. Vì vậy, Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp tái cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm theo hướng phù hợp hơn với nhu cầu thị trường, đồng thời nâng cao kỷ luật vận hành và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Đây là những bước đi quan trọng nhằm xây dựng nền tảng phát triển bền vững trong những năm tới.

Bước sang năm 2026, Hội đồng Quản trị xác định mục tiêu trọng tâm là **ổn định tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất và từng bước cải thiện lợi nhuận**. Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh tối ưu chi phí, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường quản trị rủi ro.

Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng với sự đồng hành của Quý Cổ đông, sự quyết tâm của Ban Điều hành và tinh thần nỗ lực của toàn thể người lao động, Công ty sẽ từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn, ổn định hoạt động và hướng tới tăng trưởng bền vững trong thời gian tới.

Với sự đồng lòng và quyết tâm của toàn hệ thống, chúng tôi tin tưởng Công ty sẽ từng bước vượt qua khó khăn, ổn định hoạt động và hướng tới tăng trưởng tích cực trong thời gian tới

Xin cảm ơn Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Toàn thể Cán bộ Nhân viên đã luôn đồng hành cùng công ty.

Kính chúc Quý vị - Quí Cổ đông

SỨC KHỎE – HẠNH PHÚC – THÀNH CÔNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(đã ký)

LÊ MẠNH THƯỜNG

2 THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	:	**Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân Giấy**
CNĐKKD	:	**Số 1000400095 do Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 30/10/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 04/08/2025**
Vốn điều lệ	:	**500.000.000.000 đồng *(Năm trăm tỷ đồng)***
Địa chỉ	:	**Lô A3 - KCN Nguyễn Đức Cảnh, Đường Trần Thái Tông, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên**
Số điện thoại	:	**+8422 7384 5379**
Email	:	**contact@fortex.com.vn**
Website	:	**http://fortex.com.vn/**
Mã cổ phiếu	:	**FTM**

3 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

4 NGÀNH NGHỀ VÀ THỊ TRƯỜNG KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sợi
  + Sợi 100% Polyester Virgin
  + Sợi 100% Recycled Polyester Dyed.
  + Sợi 100% Recycled Polyester.
  + Sợi 100% Cotton Chải thô (CD); Chải kỹ (CM)
- Sản xuất vải dệt thoi
- Hoàn thiện sản phẩm dệt
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác
- Sản xuất hàng may sẵn, …

Hoạt động kinh doanh cốt lõi của Fortex là sản xuất và kinh doanh các loại sợi cotton chất lượng cao bao gồm sợi chải thô CD, sợi chải kỹ CM, sợi 100% Polyester (PE) nguyên sinh và 100% Polyester tái sinh thường và màu đây là dòng sản phẩm mới thân thiện với môi trường bởi sản phẩm sợi không qua công đoạn tẩy nhuộm sau dệt và hoàn tất sản phẩm. Sản phẩm sợi thuộc chiến lược sản xuất xanh hướng tới phát triển bền vững với đầu ra là nguyên liệu sợi tái sinh 100% sản xuất tại Việt Nam là lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm hàng dệt may khi Việt Nam ký kết hiệp định EVFTA, CPTPP.

Bên cạnh sản xuất và kinh doanh sợi thành phẩm, Fortex còn kinh doanh thương mại các loại sợi khác, kinh doanh bông nguyên liệu đầu vào nhập khẩu và các nguyên phụ liệu ngành sợi bán buôn cho các doanh nghiệp trong nước.

Sản phẩm sợi:

Sợi 100% Polyester nguyên sinh (100% Polyester Virgin):

Sợi Polyester (PE) là một loại sợi tổng hợp với thành phần cấu tạo đặc trưng là ethylene (nguồn gốc từ dầu mỏ).

Sợi được ứng dụng nhiều trong ngành công nghiệp để sản xuất các loại sản phẩm như quần áo, đồ nội thất gia dụng, vải công nghiệp, vật liệu cách điện… Sợi Polyester có nhiều ưu thế hơn khi so sánh với các loại sợi truyền thống là không hút ẩm, nhưng hấp thụ dầu. Chính những đặc tính này làm cho Polyester trở thành một loại vải hoàn hảo đối với những ứng dụng chống nước, chống bụi và chống cháy. Khả năng hấp thụ thấp của Polyester giúp nó tự chống lại các vết bẩn một cách tự nhiên. Vải Polyester không bị co khi giặt, chống nhăn và chống kéo dãn. Nó cũng dễ dàng được nhuộm màu và không bị hủy hoại bởi nấm mốc. Vải Polyester là vật liệu cách nhiệt hiệu quả, do đó nó được dùng để sản xuất gối, chăn và áo khoác ngoài.

Sợi màu 100% Polyester tái sinh (100% Recycled Polyester Dyed):

Polyester màu tái sinh được sử dụng nhiều trong ngành công nghiệp để sản xuất các loại sản phẩm như quần áo, vớ "bít tất". Không qua công đoạn tẩy nhuộm sau dệt, sợi Polyester tái sinh có nhiều ưu thế hơn khi so sánh với các loại sợi truyền thống cotton và Polyester nguyên sinh như rút ngắn công đoạn sau dệt, đảm bảo ưu thế giảm chi phí sản xuất, thân thiện với môi trường. Hiện nay sản phẩm sợi được sử dụng nhiều trong các sản phẩm dệt may và may mặc với tính cơ lý ngang bằng các sản phẩm may mặc truyền thống như sợi PE nguyên sinh, sợi cotton và sợi pha, đặc biệt là giá thành chế biến rẻ tăng lợi thế cạnh tranh đối với các sản phẩm cùng loại.

Sợi 100% Cotton Chải thô, Chải kỹ:

Cotton là loại chất liệu được sử dụng phổ biến trong các trang phục hàng ngày bởi chúng mang lại cảm giác thoáng mát, dễ chịu cho người mặc. Từ thời xa xưa, sau khi trồng trọt xuất hiện, con người đã biết đến cách trồng bông. Những quả bông sau khi thu hái được kéo thành sợi bông (hay còn gọi là sợi Cotton) dùng để dệt vải.

Về ưu điểm, Cotton đem lại cảm giác thoáng mát, thoải mái cho người mặc bởi khả năng hút ẩm tốt, thấm mồ hôi cao. Về nhược điểm, chất liệu Cotton khá cứng, thường thích hợp với nam giới.

Các sản phẩm sợi của Fortex:

CD

(Sợi Cotton chải thô CD)

- Thành phần: 100% cotton chãi thô
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng
- Yêu cầu: Sợi bông dài
- Chất lượng: Trơn hơn, mềm hơn và thấm hút hơn so với các loại sợi OE
- Đặc tính: Hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất áo sơ mi, đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao
- Các chỉ số: Ne 28 – Ne 60

CM

(Sợi Cotton chải kỹ CM)

- Thành phần: 100% cotton chãi kỹ
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng
- Yêu cầu: Sợi bông dài
- Chất lượng: Trơn hơn, mềm hơn và thấm hút hơn so với các loại sợi CD
- Đặc tính: Hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất áo sơ mi, đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao
- Các chỉ số: Ne 28 – Ne 60

PE Virgin

(Sợi 100% Polyester nguyên sinh)

- Thành phần: 100% xơ Polyester nguyên sinh.
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng "ring spun"
- Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.
- Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay đồ lót và chăn
  Ga trải giường chất lượng cao
- Sợi dùng trong dệt kim; dệt khí
- Chi số từ: Ne 20/1 – Ne 50/1

PE Recycled Dyed (Sợi 100% Polyester màu tái sinh)

Thành phần: 100% xơ Polyester màu tái sinh.

Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng " ring spun"

Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.

Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người

Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay. Sợi dệt không qua công đoạn tẩy nhuộm trước và sau công đoạn hoàn tất. Sợi dùng trong dệt kim và dệt kiếm

Chi số từ: Ne 20/1 – Ne 40/1

PE Recycled

(Sợi 100% Polyester tái sinh)

- Thành phần: 100% xơ Polyester tái sinh.
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng " ring spun"
- Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.
- Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay, đồ lót…
- Sợi dùng trong dệt kim; dêt khí.
- Chi số từ: Ne 20/1 – Ne 40/1

Thị trường kinh doanh

Năm 2025, Công ty đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý về xin cấp chứng chỉ BIS để quay trở lại thị trường Ấn Độ. Đồng thời tiếp tục khai thác phát triển các thị trường ngách: Thái Lan, Banglades và Trung Quốc, Hàn Quốc…Tỷ trọng xuất khẩu của công ty chiếm 30% mặt hàng chủ yếu là dòng sản phẩm sợi Polyester.

5 NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT

Nhà máy sản xuất và cơ sở vật chất kỹ thuật

Fortex có trụ sở chính tại Lô A3 - KCN Nguyễn Đức Cảnh, Đường Trần Thái Tông, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên và 02 nhà máy tọa lạc tại KCN Nguyễn Đức Cảnh, Phường Thái Bình và 01 nhà máy tại Khu Công Nghiệp Tiền Hải , Xã Tiền Hải, Tỉnh Hưng Yên

Tại các nhà máy của Fortex hiện nay đều được trang bị dây chuyền thiết bị kéo sợi đồng bộ, hiện đại bao gồm: Hệ thống dây cung bông (Máy xé, máy trộn, máy lọc kim loại, máy lọc sơ ngoại lai), máy chải thô, máy ghép, máy cuộn cúi, máy chải kỹ, máy sợi thô, máy sợi con, máy đánh ống tự động, hệ thống điều không, thiết bị phòng thí nghiệm…

Máy móc của công ty chủ yếu nhập khẩu từ Thụy Sĩ, Đức, Nhật, Trung Quốc… Hệ thống kéo sợi của Fortex được cung cấp chủ yếu bởi RIETER – Thụy Sỹ, hãng cung cấp uy tín hàng đầu Thế giới về thiết bị cho công nghệ kéo sợi.

Trung tâm kiểm soát chất lượng với thiết bị kiểm soát từ USTER, nhà cung cấp hàng đầu Thế giới về thiết bị đo lường – kiểm tra chất lượng các sản phẩm sợi – dệt.

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân có 03 nhà máy sản xuất bao gồm:

- Xưởng 1 – Nhà máy Đức Quân I: 17.460 cọc sợi. Công suất 3.300 tấn/năm
- Xưởng 2 – Nhà máy Đức Quân I: 38.400 cọc sợi. Công suất 6.200 tấn/năm
- Nhà máy Sợi Đức Quân II: 45.360 cọc sợi. Công suất: 7.500 tấn/năm

Tổng số cọc sợi là: 101.000 cọc sợi tương đương công suất 17.500 tấn/năm

Máy móc thiết bị được nhập khẩu từ: Thụy Sĩ, Ấn Độ….

6 THÀNH TÍCH VÀ GIẢI THƯỞNG

THÀNH TÍCH NỔI BẬT

Với những nỗ lực và đóng góp không ngừng trong quá trình hoạt động, Fortex vinh dự được đón nhận những danh hiệu nổi bật

Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt dành cho các thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập quốc tế

Uỷ ban quốc gia về hợp tác kinh tế Quốc tế tặng Bằng khen "Thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển Thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế"

UBND Thành phố Thái Bình chứng nhận "Doanh nghiệp tiêu biểu về đổi mới công nghệ"

UBND Thành phố Thái Bình chứng nhận "Doanh nghiệp tiêu biểu về đổi mới công nghệ"

Chứng chỉ bảo hộ bởi Cục Sở hữu Trí tuệ cho mặt hàng sợi các loại

UBND tỉnh Thái Bình tặng bằng khen " Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh XNK năm 2017 góp phần phát triển KT-XH của Tỉnh"

UBND tỉnh Thái Bình tặng bằng khen "Đã có thành tích tiêu biểu trong công tác an sinh xã hội năm 2019 "

7 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý Công ty cổ phần quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp, mới được chuyển đổi từ mô hình tổ chức quản lý Công ty cổ phần quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp từ ngày 25/06/2020.

Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý Năm 2025

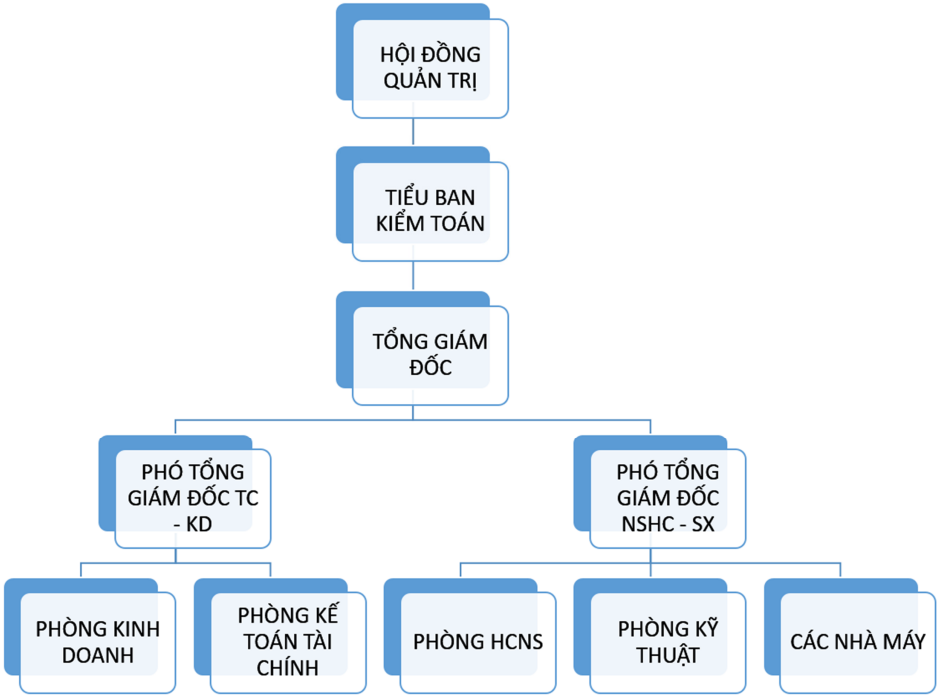

Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Không có

Công ty liên kết: Không có

8 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

TẦM NHÌN

FORTEX Khát vọng trở thành doanh nghiệp hàng đầu ở Việt Nam và trên toàn thế giới trong ngành sợi dệt và hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín của ngành công nghiệp dệt may

SỨ MỆNH

FORTEX Cam kết mang lại cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ chất lượng cao bằng việc xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, với văn hóa sáng tạo đổi mới hiện đại, nhằm tạo ra cuộc sống tốt đẹp hơn cho các thành viên Fortex.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

CHẤT LƯỢNG
KỶ LUẬT
ĐỔI MỚI
TRUNG THỰC
SÁNG TẠO
Đây là giá trị cốt lõi của Fortex được thực hiện xuyên suốt từ Chủ tịch đến CBCNV

Mục tiêu hoạt động

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, mục tiêu chủ yếu của Công ty là: "Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm mục đích thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh."

Chiến lược phát triển chung

Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô và bối cảnh kinh doanh có nhiều điểm không thuận lợi và thách thức của năm 2025, Ban điều hành Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đức Quân luôn chủ động tìm kiếm cơ hội trong nguy cơ, tập trung trọng điểm vào nâng cao hiệu quả sản xuất, mở rộng thị trường và duy trì mạng lưới khách hàng hiện hữu. Công ty tiếp tục duy trì và phát huy đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng của công ty, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho công ty và xã hội. Mục tiêu tăng trưởng của công ty về doanh thu và lợi nhuận trong các năm từ 2025 - 2030 phấn đấu mức tăng trưởng bình quân hằng năm từ 10% trở lên.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Công ty mong muốn mang lại cho các đối tác và khách hàng những sản phẩm với chất lượng tốt nhất, giá cả hợp lý nhất đồng thời hạn chế thấp nhất gây ô nhiễm môi trường.

Đồng thời mang lại các quyền, lợi ích cho CBCNV và các cổ đông trong công ty.

9 QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản trị rủi ro

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị rủi ro trong quá trình sản xuất, kinh doanh, hàng năm, Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo xem xét và phê duyệt khung quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty. Công ty đã xây dựng khung quản trị rủi ro, áp dụng quy trình nhận diện, phân tích, đo lường và đánh giá và tiếp cận các rủi ro có thể xảy ra, từ đó sẽ tìm kiếm và đưa ra các biện pháp kiểm soát, khắc phục các hậu quả của rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, sản xuất. Mục đích cuối cùng chính là giảm thiểu tổn thất xuống mức thấp nhất có thể. Đồng thời biến những bất lợi từ rủi ro thành cơ hội để dẫn đến thành công

Sơ đồ quy trình quản trị rủi ro

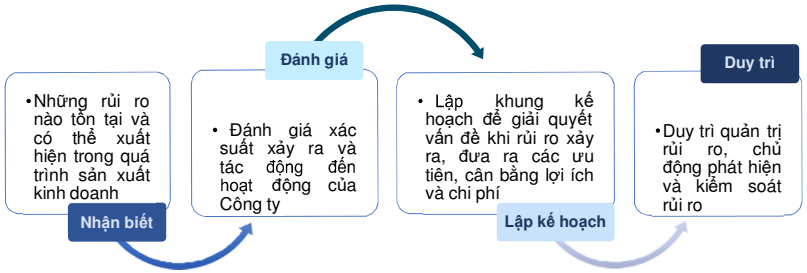

Các rủi ro Công ty gặp phải

Thang đo xác suất xảy ra

1 - Xác suất xảy ra bằng 0

2 - Xác suất xảy ra thấp

3 - Xác suất xảy ra trung bình

4 - Xác suất xảy ra lớn

5 - Xác suất xảy ra rất lớn

Thang đo tác động

1 - Không ảnh hưởng

2 - Ảnh hưởng nhỏ

3 - Ảnh hưởng bình thường

4 - Ảnh hưởng lớn

5 - Ảnh hưởng rất lớn

Năm 2025, Công ty hoạt động trong bối cảnh ngành dệt may và sợi toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều biến động bất lợi như suy giảm nhu cầu tiêu dùng, cạnh tranh gay gắt và biến động giá nguyên liệu. Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tăng cường công tác quản trị rủi ro theo hướng chủ động nhận diện, đánh giá và kiểm soát các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. Hệ thống quản trị rủi ro được triển khai xuyên suốt từ cấp chiến lược đến vận hành, tập trung vào các nhóm rủi ro trọng yếu dưới đây:

Bảng 1: Các nhân tố rủi ro

Nhận biết rủi ro	Tác động	Biện Pháp kiểm soát
Rủi ro thị trường: Mô tả: Nhu cầu tiêu thụ sợi trong năm 2025 suy giảm do ngành dệt may toàn cầu phục hồi chậm, đặc biệt tại các thị trường xuất khẩu. Giá bán sợi biến động mạnh, chịu áp lực cạnh tranh từ các nhà sản xuất lớn (Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia)	* Doanh thu sụt giảm * Biên lợi nhuận bị thu hẹp * Tồn kho gia tăng *Đánh giá: Xác suất: 4, Tác động: 4*	* Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu *Tăng tỷ trọng khách hàng nội địa và khách hàng ổn định dài hạn *Điều chỉnh cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường (sợi chất lượng cao, sợi tái chế…)
Rủi ro biến động giá nguyên liệu Mô tả:Nguyên liệu chính (xơ polyester – PSF) phụ thuộc lớn vào giá dầu thường xuyên biến động mạnh và khó dự báo	*Tăng chi phí sản xuất *Biến động lợi nhuận theo chu kỳ giá nguyên liệu *Rủi ro lỗ khi tồn kho giá cao *Đánh giá: Xác suất: 4, Tác động: 4*	*Xây dựng chính sách tồn kho linh hoạt *Đàm phán hợp đồng mua theo kỳ hạn/giá tham chiếu *Tăng cường dự báo và theo dõi thị trường nguyên liệu

Rủi ro lãi suất	Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Việc lãi suất cho vay biến động có ảnh hưởng rất lớn tới kết quả HĐKD của Công ty. Giai đoạn năm 2025 để điều hành ổn định kinh tế vĩ mô và kìm chế lạm phát Ngân hàng nhà nước đã tăng lãi suất và siết chặt tín dụng, Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng không nhỏ ***Đánh giá: Xác suất: 1, Tác động: 1***	Với đặc thù ngành nghề kinh doanh, Công ty cần vốn lưu động lớn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty phải luôn chủ động và nỗ lực trong việc tìm kiếm nguồn vốn giá rẻ, ngoài việc tăng nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty lựa chọn tổ chức tín dụng, tổ chức phi tín dụng có mức lãi suất cạnh tranh để huy động vốn nhằm tiết giảm chi phí cho Công ty.
Rủi ro vận hành và sản xuất Máy móc thiết bị hao mòn, nguy cơ gián đoạn sản xuất, lỗi kỹ thuật ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm	*Tăng chi phí sửa chữa *Giảm chất lượng sản phẩm *Ảnh hưởng uy tín với khách hàng *Đánh giá: Xác suất: 2, Tác động: 2*	* Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ *Đầu tư nâng cấp thiết bị *Kiểm soát chất lượng chặt chẽ
Rủi ro nguồn nhân lực	Ngành Dệt May là một trong những ngành sử dụng lao động cao ở Việt Nam, do đó vấn đề nhân công rất được Công ty chú trọng quan tâm. Hiện nay, Việt Nam đã trải qua thời kì "dân số vàng" nên nguồn cung lao động cho Ngành Dệt May đang dần thiếu hụt trong tương lai và các nhóm ngành công nghiệp chế tạo cũng đang thu hút lao động bằng các ưu đãi, môi trường làm việc tốt hơn. Vì vậy, rủi ro thiếu	Để đảm bảo luôn đủ nguồn nhân lực, Công ty đã có những chính sách ưu đãi cho người lao động: điều chỉnh tăng mức lương các bậc, trong đó ưu tiên tăng lương cho lao động có tay nghề cao, tổ chức xét tăng lương định kỳ; áp dụng các chế độ thưởng về năng suất, chất lượng, chuyên cần, thưởng thành tích cuối năm; áp dụng các chế độ phụ cấp; phối hợp tốt với Công đoàn lao động thực hiện chăm lo cho đời sống

	nguồn nhân lực trong tương lai sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty. ***Đánh giá: Xác suất: 3, Tác động: 3.***	tinh thần và vật chất của người lao động. Song song với đó, Công ty cũng chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ- kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa
Rủi ro pháp lý và thương mại quốc tế Các rào cản thương mại, thuế chống bán phá giá, quy định xuất xứ, tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe.	*Tăng chi phí tuân thủ *Nguy cơ mất thị trường xuất khẩu * Rủi ro pháp lý ***Đánh giá: Xác suất 2, Tác động: 2***	*Theo dõi sát các quy định quốc tế *Chuẩn hóa hồ sơ xuất xứ (C/O) * Đầu tư sản xuất xanh, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường
Rủi ro môi trường	Ngành sản xuất phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường. Vấn đề bảo vệ môi trường, xử lý chất thải sau quá trình sản xuất kinh doanh là thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí: phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất,… ngày càng cao cũng ảnh hưởng đến kế quả kinh doanh của Công ty.	Hiện tại, Công ty đã tuân thủ đầy đủ và đang thực hiện tốt các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường, các chi phí phát sinh cần thiết liên quan đến công tác bảo vệ môi trường được tính toán nằm trong kế hoạch chi phí của Công ty. Công ty đã có kế hoạch đầu tư thêm dây chuyền sản xuất các sản phẩm sợi dệt mầu không qua tây nhuộm hạn chế tối đa chất thải ra môi trường Công ty không xả thải ra môi trường, nước thải luôn được thu gom theo hệ thống thu gom và xử lý nước của KCN. Ký hợp đồng xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại với các công ty có chuyên môn.

		Dẫn đưa ra các nguồn điện sạch như điện mặt trời vào sản xuất.
Rủi ro kinh tế vĩ mô	Suy thoái kinh tế toàn cầu: Khi các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc suy giảm, nhu cầu tiêu dùng nói chung và hàng may mặc nói riêng sẽ giảm, dẫn đến đơn hàng sụt giảm. Biến động tỷ giá: Ngành dệt may và ngành sợi nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nhập khẩu. Biến động tỷ giá có thể làm tăng chi phí đầu vào và giảm lợi nhuận. Lạm phát & lãi suất cao: Nếu lạm phát kéo dài, chi phí tài chính của doanh nghiệp dệt may sẽ tăng do lãi suất vay cao hơn, ảnh hưởng đến đầu tư và mở rộng sản xuất. ***Đánh giá: Xác suất: 4; Tác động: 4***	Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, mở rộng kênh bán hàng trong nước, tận dụng ưu đãi thuế từ CPTPP, EVFTA, RCEP để tăng khả năng cạnh tranh. Thường xuyên theo dõi diễn biến tỷ giá từ đó tiến hành ký hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn để hạn chế rủi ro biến động tiền tệ. Đa dạng hóa nguồn vốn, tránh vay quá nhiều bằng ngoại tệ để giảm áp lực lãi suất.
Rủi ro công nghệ & chuyển đổi số	Cạnh tranh với sản xuất tự động hóa: Các quốc gia như Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ đang ứng dụng robot và AI trong sản xuất, làm giảm lợi thế nhân công giá rẻ của Việt Nam. Chậm đổi mới công nghệ: Nếu doanh nghiệp không đầu tư vào máy móc hiện đại, ứng dụng IoT và ERP trong quản lý sản xuất, sẽ bị tụt hậu so với đối thủ. ***Đánh giá: Xác suất: 2; Tác động: 3***	Áp dụng ERP, AI, IoT, các phần mềm số hóa phù hợp với mô hình sản xuất để tối ưu hóa chuỗi cung ứng, quản lý sản xuất.

10 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Năm 2025 là năm bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, dệt may Việt Nam đối diện với nhiều thách thức từ xung đột về quan hệ chính trị từ các nước lớn, đặc biệt đối mặt với thách thức từ biến động thuế quan Mỹ và nhu cầu toàn cầu chậm lại nên kết quả của ngành dệt may chưa có nhiều khởi sắc. Năm 2025 đơn giá xuất khẩu xơ sợi của Việt Nam giảm rõ rệt so với năm 2024 với mức giảm khoảng 8% so với cùng kỳ, phản ánh nhu cầu toàn cầu yếu (đặc biệt từ thị trường Trung Quốc thị trường nhập khẩu sợi lớn nhất của Việt Nam) và cạnh tranh gay gắt từ các thị trường khu vực như Bangladesh, Ấn Độ và Pakistan cung cấp sợi với giá thấp hơn. Sự thay đổi này khiến ngành đã phải định hình lại trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Nhưng điều quan trọng nhất là sự thay đổi từ các chiến lược quan hệ chính trị, cách mua hàng… buộc doanh nghiệp dệt may phải có các giải pháp thúc đẩy khả năng, cách bán hàng khác nhau.

Thêm vào đó thị trường Ấn Độ (một trong những thị trường xuất khẩu chính của công ty thời gian qua) yêu cầu chứng nhận BIS (Bureau of Indian Standards) khi xuất khẩu sang Ấn Độ. Đây là một rào cản của thị trường Ấn Độ khiến việc xuất khẩu của chúng tôi thiếu ổn định. Bên cạnh đó là rủi ro tỷ giá, với năm 2025 tỷ giá đã tăng gần 5% khiến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tất cả những điều này cũng đã phần nào nói lên những khó khăn của người điều hành, người lao động để có thể duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định.

Công ty đã nỗ lực thúc đẩy bán hàng, chủ động tìm kiếm, khai thác thị trường trong nước và quốc tế. Tuy nhiên với hàng loạt khó khăn trên đã khiến kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch khi tổng doanh thu thuần của công ty năm 2025 chỉ đạt 191,91 tỷ đồng, tăng 4.91% so với năm 2024.

11 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách các thành viên Ban điều hành

Bảng 2: Thành viên Ban điều hành

1. Thành viên Ban điều hành năm 2025:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
Ông Đỗ Văn Sinh	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	0 cổ phần	0%
Ông Trần Xuân Tiến	TV HĐQT - Phó TGĐ	0 cổ phần	0%
Ông Đào Văn Nam	Phó TGĐ/Kế toán trưởng	0 cổ phần	0%

Sơ yếu lý lịch các thành viên ban điều hành:

Tổng Giám Đốc - *Ông Đỗ Văn Sinh*

Họ và tên	: Đỗ Văn Sinh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 31/03/1980
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân quản trị kinh doanh
Chức vụ công tác	: Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

2004 – 2012: Trưởng phòng kinh doanh CTCP Tập đoàn Đại Cường

2013 – 2016: Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

2017 – 2018: Trợ lý TGĐ - Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung

T12/2018 - 4/2019: Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

T4/2019 – nay: Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

Phó Tổng Giám đốc *SX- Trần Xuân Tiến*

Họ và tên	: Trần Xuân Tiến
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 19/10/1975
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư điện – Cử nhân quản trị kinh doanh
Chức vụ công tác	: Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

6/2007– 8/2010: nhân viên phòng kỹ thuật công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

8/2010 - 10/2019: Trưởng phòng kỹ thuật công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

11/2019 - Nay: Phó Tổng Giám Đốc công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

PTGD phụ trách TC/ Kế toán trưởng - *Ông Đào Văn Nam*

Họ và tên	: Đào Văn Nam
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 23/06/1990
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ QTKD - Cử nhân kế toán tài chính
Chức vụ công tác	: PTGĐ phụ trách tài chính/ Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

7/2018 – 12/2018: Nhân viên kế toán công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

12/2018 - 11/2019: Phó phòng kế toán công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

11/2019 - Nay: Kế toán trưởng công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân.

T9/2024- Nay: Phó TGĐ phụ trách tài chính

Chính sách lao động:

1. Quan điểm và định hướng:

Trong năm 2025, Công ty xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh trong bối cảnh ngành sợi còn nhiều khó khăn. Chính sách lao động được xây dựng theo hướng ổn định – linh hoạt – hiệu quả, vừa đảm bảo duy trì lực lượng lao động cốt lõi, vừa thích ứng với biến động của thị trường.

2. Tình hình lao động năm 2025:

Trong năm, lực lượng lao động của Công ty có sự biến động giảm bao gồm:

- Thiếu hụt lao động kỹ thuật tại một số bộ phận sản xuất
- Thiếu hụt lao động phổ thông do dịch chuyển sang các ngành nghề khác.
- Áp lực gia tăng chi phí tiền lương và phúc lợi .

Dẫn đến thiếu lao động ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và tiến độ giao hàng tại một số thời điểm.

3. Chính sách tiền lương và đãi ngộ:

Giá trị cốt lõi của công ty là tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV bằng cách xây dựng cơ cấu tiền lương phù hợp, Chính sách tiền lương minh bạch, Phương thức tính lương khoán theo sản phẩm, khuyến khích được người lao động, tăng năng suất hiệu quả.

Bổ sung các khoản phụ cấp theo lương để khuyến khích người lao động như phụ cấp

chuyên cần , phụ cấp tay nghề, phụ cấp ca đêm….Định kỳ hàng năm căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Công ty thưởng cho người lao động thêm khoản thu nhập tương đương bằng 1 tháng lương.

Công ty luôn ban hành quy chế Thưởng - Phạt vào mỗi năm trên tinh thần công khai, minh bạch, thưởng phạt rõ ràng. Thông báo trước cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động gia tăng hiệu quả công việc đồng thời thực hiện đúng theo quy định của Công ty, duy trì nét văn hóa trong Doanh Nghiệp.

Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống cho CBCNV như ngày 8/3, 20/10, chương trình tết sum vầy, tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn. Tặng quà cho các cháu thiếu nhi ngày 1/6 và tết trung thu. Hàng năm tổ chức chương trình khuyến học động viên con em người lao động.

Các chính sách an toàn lao động được quan tâm hàng đầu, cung cấp cho nhân viên các thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh môi trường tốt để làm việc. Đồng thời xây dựng một môi trường làm việc công bằng, bình đẳng, cam kết thu hút và phát triển nhân tài, đảm bảo về vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty.

4.Chính sách tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực và phù hợp với định hướng phát triển vào làm việc tại Công ty. Tùy vào từng vị trí tuyển dụng, Công ty đưa ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, cân bằng giữa tuyển dụng lao động trong nội bộ và bên ngoài Công ty. Chính sách tuyển dụng Công ty chú trọng quá trình sàng lọc đánh giá ứng viên phù hợp với từng vị trí làm việc, đánh giá người ứng tuyển không chỉ ở năng lực mà còn đánh giá phẩm chất, tinh thần học hỏi, trách nhiệm, cầu tiến và khả năng gắn bó lâu dài. Mỗi cá nhân ở bất kỳ vị trí nào đều tạo cơ hội cho phát triển bản thân , năng lực và thăng tiến , mỗi cá nhân được xem là mảng ghép không thể thiếu, có ý nghĩa trong việc thực hiện mục tiêu chung của Công ty.

5.Chính sách đào tạo:

Đi đôi với công tác tuyển dụng, Công ty rất quan tâm và coi trọng việc đào tạo. Đào tạo trước khi làm việc, đào tạo trong khi làm việc và đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc nhằm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên thực hiện công việc một cách hiệu quả nhất và có cơ hội thử thách ở các vị trí cao hơn. Các khóa học ngắn hạn bên ngoài và các khóa đào tạo nội bộ thường xuyên được tổ chức định kỳ mỗi năm cho tất cả công

nhân viên Công ty.

Thông qua việc đào tạo, nhân viên sẽ được nâng cao kiến thức, trình độ nghiệp vụ chuyên môn cùng các kỹ năng khác. Đồng thời, qua quá trình đào tạo, nhân viên cũng xác định được mục tiêu phát triển của bản thân phù hợp với mục tiêu phát triển của chung Công ty.

Các khóa đào tạo của Công ty được thiết kế một cách hiệu quả dựa trên yêu cầu thực tiễn hoạt động của từng bộ phận chức năng, nhằm đảm bảo cho cán bộ nhân viên có thể áp dụng được tối đa những kỹ năng, kiến thức đã được đào tạo vào trong công việc. Công ty tạo mọi điều kiện cho người lao động có cơ hội thăng tiến trong công việc, nhất là những người có tính cầu tiến, ham học hỏi, năng động, sáng tạo trong công việc

6.Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật. Về điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát đảm bảo đến mức tối đa an toàn vệ sinh lao động, tạo điều kiện tốt nhất về điều kiện làm việc để người lao động phát huy được hiệu quả lao động. Nhà ăn thoáng mát, sạch đẹp , đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Nước uống có nhiều loại cho người lao động từ nước lọc, nước nóng, nước chè …. Mỗi người lao động được trang bị bình nước cá nhân riêng đảm bảo vệ sinh và thuận tiện trong công việc.

7.Quan hệ lao động:

Công ty duy trì quan hệ lao động hài hòa giữa người lao động trong toàn Công ty.

Thực hiện đúng quy định của pháp luật lao động

Tăng cường đối thoại giữa Ban lãnh đạo và người lao động.

Phối hợp với tổ chức công đoàn trong việc chăm lo đời sống người lao động.

Giải quyết kịp thời các kiến nghị, vướng mắc phát sinh

12 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Bảng 3: Các khoản đầu tư lớn của Fortex

STT	Khoản đầu tư tài chính/Dự án	Tình hình thực hiện
1	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng HDBank	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 2037040600000177 ngày 23/06/2023 của ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng. Thời hạn hợp đồng tiền gửi 12 tháng từ ngày 23/06/2025 đến ngày 23/06/2026. Lãi suất tiền gửi 5.40%/năm. Hợp đồng tiền gửi là tài sản đảm bảo làm thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 0002/25/PGDHĐa/HĐCBL/BL-HDB01 ngày 25/06/2025 với công ty Điện lực Thái Bình - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc.
2	Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6	Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 được triển khai tại khu công nghiệp khí mỏ Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, và khởi công từ tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư 505.749,78 triệu đồng. Việc triển khai xây dựng nhà máy sợi Đức Quân 6 đang tạm ngừng, nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, lượng đơn đặt hàng giảm mạnh kéo theo nhu cầu sản xuất giảm nên Công ty đang tạm ngừng hoạt động xây dựng nhà máy trên. Chi phí xây dựng cơ bản đã thực hiện: 64.509 triệu đồng.

3	Khoản hợp tác đầu tư dự án bất động sản với Công ty Cổ phần Bất động sản New City	Khoản hợp tác đầu tư giữa giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Bất động sản New City (Công ty) ký ngày 05/06/2019 về Dự án đầu tư, xây dựng khu nhà ở phù hợp với quy chuẩn quy hoạch đô thị được ban hành tại Quyết định phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Nam thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số 3249/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho khu đất tọa lại tại phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có diện tích đất của toàn bộ dự án là 490.185,3 m2 để xây dựng nhà chia lô, công trình thương mại, công viên cây xanh, đất giao thông, đất kỹ thuật. Theo đó, Nhà đầu tư đồng ý góp vốn để phát triển dự án với số tiền là 50.000.000.000 đồng, tiến hành góp vốn trước ngày 31/12/2019. Nhà đầu tư sẽ chuyển tiền góp vốn vào tài khoản góp vốn; việc triển khai hợp đồng hợp tác đầu tư được thực hiện trong vòng 24 tháng kể từ ngày có hiệu lực Hợp đồng. Sau khi dự án thực hiện thành công, Công ty có trách nhiệm bàn giao cho Nhà đầu tư được quyền khai thác và sử dụng 15 Lô biệt thự với diện tích 6.000m2 hoặc Công ty phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn và một khoản lãi với lãi suất 7%/năm tính trên tổng số tiền Nhà đầu tư đã thực góp cho thời hạn kể từ ngày Nhà đầu tư chuyển khoản góp vốn cho đến ngày Công ty hoàn trả đầy đủ.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có

13 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng 4: Tình hình tài chính năm 2025 của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	565.287,97	639.436,93	-11,60%
Doanh thu thuần	191.838,35	182.779,63	4,96%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-134.670,20	-174.248,76	-
Lợi nhuận khác	-20.593,13	46.959,87	-
Lợi nhuận trước thuế	-155.263,33	-127.288,89	-
Lợi nhuận sau thuế	-155.263,33	-127.288,89	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2025 đã Kiểm toán)

Các chỉ tiêu tài chính

Bảng 5: Các chỉ tiêu tài chính

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024
1	**Khả năng thanh toán**		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,2247	0,2452
-	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,1371	0,1428
2	**Cơ cấu vốn**		
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	2,7504	2,3046
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-1,5713	-1,7665
3	**Năng lực hoạt động**		
-	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,32	0,26
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,54	1,33
4	**Khả năng sinh lời**		
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-80,93%	-69,64%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-27,47%	-19,91%
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần:	-70,20%	-69,64%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2025 đã Kiểm toán)

14 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : **50.000.000 cổ phần**

Loại cổ phần đang lưu hành : **Cổ phần phổ thông**

Công ty không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

Cơ cấu cổ đông

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2025

Stt	Cổ đông	Số lượng	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông Nhà nước và cổ đông khác				
1	CĐ Nhà nước	-	-	0%
2	CĐ khác	4,101	50,000,000	100%
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân				
1	CĐ là tổ chức	29	86,881	0.18%
2	CĐ cá nhân	4,092	49,913,119	99.82%
Theo tỷ lệ sở hữu				
1	CĐ lớn	2	15,866,500	31.73%
2	CĐ nhỏ	4,099	34,133,500	68.27%
Cổ đông trong nước và Cổ đông nước ngoài				
1	Cổ đông trong nước	4,087	49,814,870	99.63%
2	Cổ đông nước ngoài	14	185,130	0.37%
Tổng cộng		**4,839**	**50,000,000**	**100%**

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tiền thân là Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình được chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 27/11/2013 theo GCN ĐKDN số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp với vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/12/2024, công ty đã thực hiện các lần tăng vốn sau:

Lần	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	16/09/2015	280.000	420.000	Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/02/2015 thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ - Giấy CN ĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 8 ngày 16/09/2015 - Cơ quan chấp thuận là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình
2	31/12/2015	70.000	500.000	Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/12/2015 thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ - Giấy CNĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 9 ngày 31/12/2015 - Cơ quan chấp thuận Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2025, Công ty không tiến hành mua bán cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Hiện tại, không có loại chứng khoán khác ngoài cổ phần phổ thông của CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân.

15 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Mục tiêu đề ra:

- **Môi trường** :
  Sử dụng tiết kiệm, sử dụng năng lượng tái tạo.
  Áp dụng hệ thống tự động hóa trong quá trình sản xuất.
  Kiên định thực hiện các biên pháp tiết giảm tiêu hao điện năng, nước và hạn chế tỷ lệ rác thải và phế phẩm.
- **Kinh tế** :
  Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận theo mục tiêu đề ra.
  Phát triển dòng sản phẩm thân thiện với môi trường.
  Duy trì các dòng hàng có giá trị gia tăng cao.
- **Xã hội** :
  Chia sẻ lợi với các bên liên quan.
  Nâng cao năng lực nguồn lao động thông qua các chương trình đào tạo .
  Cải thiện môi trường làm việc và đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động.
  Cải thiện các chính sách lao động, nâng cao kỹ năng làm việc và phát triển nghề nghiệp cho người lao động.
- **Giảm chất thải, rác thải:**
  Tăng tỷ lệ tái chế phế loại
  Tăng tỷ lệ tái chế sợi lỗi
  Tăng tỷ lệ tái sử dụng vật liệu : ống giấy, bao bì, balet, nilon…

2. Giải pháp cụ thể :

- **Tiết kiệm năng lượng**

Trong quá trình vận hành nhà máy cũng như khối văn phòng, Công ty luôn chú trọng đến chiếu sáng môi trường làm việc, đồng thời sử dụng điện năng tiết kiệm, hiệu quả bằng cách:

- Kiểm soát tắt mở đèn theo thời gian làm việc, có các biện pháp phạt hợp lý cho những hành vi lãng phí điện, duy trì nhiệt độ điều hòa không khí ở chế độ hợp lý như 25 -26 độ C ban ngày.
- Bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, hạn chế vận hành các thiết bị tiêu thụ công suất điện lớn (như máy xé, máy bông, máy chải, máy nén khí...vào giờ cao điểm từ 17 giờ đến 20 giờ hàng ngày), không để các thiết bị điện hoạt động không tải.
- Đầu tư, cải tiến, thay thế dần các thiết bị cũ, lạc hậu, hiệu suất thấp bằng các thiết bị, công nghệ có hiệu suất cao và tiết kiệm điện;
- Lắp thêm các thiết bị đo đếm điện năng tại các bộ phận (tổ/đội/dây chuyền) sản xuất để kiểm soát lượng điện sử dụng, đồng thời giao trách nhiệm tiết kiệm điện cho các bộ phận trong doanh nghiệp thực hiện.
- Tuyên truyền sâu rộng tới toàn bộ CBCNV và người lao động về thực hành tiết kiệm điện, xem chi phí tiền điện là một trong những chỉ số trong chi phí đầu vào của doanh nghiệp, cần phải theo dõi thường xuyên và tiết kiệm tại tất cả các khâu trong sản xuất, kinh doanh.
- Công ty đang tiến hành triển khai lắp đặt các nguồn năng lượng xanh, năng lượng tái tạo như điện mặt trời.

- **Trồng cây xanh**

Duy trì tỷ lệ diện tích cho khuôn viên cây xanh, thường xuyên trồng thêm cây để đảm bảo không khí được thoáng mát bảo vệ môi trường như hút khí CO_2, cung cấp O_2 và ngăn giữ các chất khí bụi độc hại. Cây xanh còn có tác dụng hạn chế tiếng ồn.

- **Tiêu thụ nước**

Nguồn cung cấp nước chính của Công ty đến từ nước máy.

Đối mặt với tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày càng phức tạp như hiện nay, Công ty đề cao kiểm soát lượng nước sử dụng, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, tận dụng tối đa những nguồn nước phát sinh như nước mưa tự thu thập, nước từ sông, hồ trong quá trình sản xuất, lắp các đồng hồ đo nước tại mỗi bộ phận và giao trách nhiệm tiết kiệm cho từng bộ phận thực hiện, kiểm tra và khắc phục rò rỉ hằng năm. Đối với khối văn phòng, chúng tôi đã thực hiện cài đặt dòng chảy nhỏ và vừa cho các thiết bị vòi vệ sinh, giảm sử dụng nước cho cảnh quan trang trí…

Nước tiêu thụ trong công ty chủ yếu chỉ sử dụng cho sinh hoạt, không sử dụng cho sản xuất sản phẩm.

- **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Trong quá trình sản xuất, Công ty áp dụng quy trình xả thải phù hợp với pháp luật và quy định về môi trường. Bên cạnh đó, Fortex luôn không ngừng tham khảo, cập nhật các quy định, chính sách, tuyên truyền về bảo vệ môi trường tới từng bộ phận, từng nhân viên, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt trong tác động tới môi trường.

Bên cạnh đó, hiện nay, công ty đang trong quá trình đổi mới, tăng tỷ trọng sản phẩm sợi tái sinh màu không qua tẩy nhuộm, không dùng chất tẩy nhuộm, thân thiện và bảo vệ môi trường.

- **Chính sách liên quan đến người lao động**

Nhân viên của Fortex được chia ca làm việc, mỗi ngày có 2 ca sáng – tối, sắp xếp linh hoạt để

nhân viên công ty có khoảng nghỉ, đảm bảo sức khỏe lao động, có cung cấp miễn phí 2 bữa ăn/ ca làm việc. Công ty cũng áp dụng đầy đủ chế độ nghỉ lễ tết, nghỉ thai sản, chế độ bảo hiểm thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, hỗ trợ chi phí đi lại cho người lao động làm việc xa, trả lương làm ngoài giờ và có thưởng thêm cho các nhân viên hoàn thành tốt công việc.

Về an toàn lao động, Công ty cấp phát đồ dùng bảo hộ đầy đủ cho nhân viên như quần áo, mũ nón, tạp dề, găng tay… theo định kỳ. Ở nơi làm việc cũng trang bị đầy đủ thiết bị phòng chống cháy nổ, chập điện, nhân viên được đào tạo kiến thức về an toàn phòng cháy chữa cháy, luôn đề cao tinh thần cảnh giác. Cũng trong năm 2025, Fortex đã mở những khóa đào tạo nội bộ nâng cao tay nghề người lao động, đào tạo kỹ năng quản lý cho cấp quản lý nhà máy từ trưởng ca, quản đốc, nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế hiện đại 4.0.

- **Trách nhiệm với cộng đồng**

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn quan tâm thực hiện trách nhiệm xã hội:

Tạo việc làm ổn định cho lao động tại địa phương.

Tham gia các hoạt động an sinh xã hội khi điều kiện cho phép.

Xây dựng môi trường làm việc nhân văn, tôn trọng người lao động

16 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

Năm 2025 là năm bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, dệt may Việt Nam đối diện với nhiều thách thức từ xung đột về quan hệ chính trị từ các nước lớn, đặc biệt đối mặt với thách thức từ biến động thuế quan Mỹ và nhu cầu toàn cầu chậm lại nên kết quả của ngành dệt may chưa có nhiều khởi sắc. Năm 2025 đơn giá xuất khẩu xơ sợi của Việt Nam giảm rõ rệt so với năm 2024 với mức giảm khoảng 8% so với cùng kỳ, phản ánh nhu cầu toàn cầu yếu (đặc biệt từ thị trường Trung Quốc thị trường nhập khẩu sợi lớn nhất của Việt Nam) và cạnh tranh gay gắt từ các thị trường khu vực như Bangladesh, Ấn Độ và Pakistan cung cấp sợi với giá thấp hơn. Sự thay đổi này khiến ngành đã phải định hình lại trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Nhưng điều quan trọng nhất là sự thay đổi từ các chiến lược quan hệ chính trị, cách mua hàng… buộc doanh nghiệp dệt may phải có các giải pháp thúc đẩy khả năng, cách bán hàng khác nhau.

Bão và áp thấp nhiệt đới năm 2025 (đặc biệt từ tháng 7-9) gây ngập lụt, đình trệ sản xuất. Nhiều nhà máy tại các khu công nghiệp miền Trung bị ngập, hư hỏng máy móc, phải dừng hoạt động tạm thời. Hậu quả làm đứt gãy chuỗi cung ứng, và làm chi phí logistics tăng cao, ảnh hưởng đến tiến độ các đơn hàng.

Thêm vào đó thị trường Ấn Độ (một trong những thị trường xuất khẩu chính của công ty thời gian qua) yêu cầu chứng nhận BIS (Bureau of Indian Standards) khi xuất khẩu sang Ấn Độ. Đây là một rào cản của thị trường Ấn Độ khiến việc xuất khẩu của chúng tôi thiếu ổn định. Bên cạnh đó là rủi ro tỷ giá, với năm 2025 tỷ giá đã tăng gần 5% khiến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tất cả những điều này cũng đã phần nào nói lên những khó khăn của người điều hành, người lao động để có thể duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định.

Công ty đã nỗ lực thúc đẩy bán hàng, chủ động tìm kiếm, khai thác thị trường trong nước và quốc tế. Tuy nhiên với hàng loạt khó khăn trên đã khiến tổng doanh thu thuần của công ty năm 2025 chỉ đạt 191,91 tỷ đồng, tăng 4.91% so với năm 2024, lợi nhuận sau thuế năm không đạt kế hoạch.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

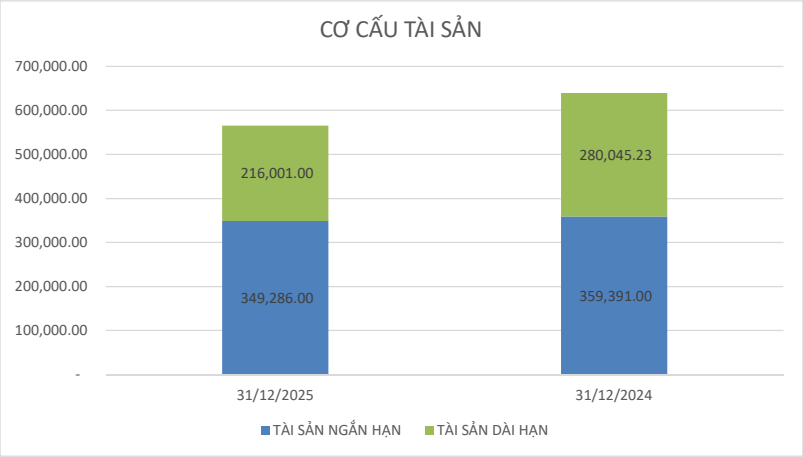

Bảng 7: cơ cấu tài sản của doanh nghiệp

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2025		31/12/2024	Biến động 2025 so với 2024 (%)
1	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**349.286,00**		**359.391,00**	**-3%**
1.1	Tiền và tương đương tiền	584,00		8.733,00	-93%
1.2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.500,00		1.500,00	0%
1.3	Các khoản phải thu	198.168,00		198.214,00	0%
1.4	Hàng tồn kho, ròng	148.299,00		149.990,00	-1%
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	734,00		953,00	-23%
2	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**216.001,00**		**280.045,23**	**-23%**
2.1	Phải thu dài hạn	7.796,00		24.166,37	-68%
2.2	Tài sản cố định	142.485,00		189.568,22	-25%
2.3	Tài sản dở dang dài hạn	64.098,00		64.048,71	0%
2.5	Tài sản dài hạn khác	2.261,93		2.261,93	0%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		**565.287,00**		**639.436,93**	**-12%**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025

Bảng 8: Cơ cấu Nguồn vốn Doanh nghiệp

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2025	31/12/2024	Biến động 2025 so với 2024 (%)
1	**Nợ ngắn hạn**	**1.554.791,00**	**1.465.973,00**	**6,06%**
	Phải trả cho người bán ngắn hạn	51.024,50	49.041,94	**4,04%**
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.426,11	13.203,73	**-21,04%**
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	148,24	21,08	**603,23%**
	Phải trả người lao động	2.324,14	3.063,60	**-24,14%**
	Chi phí phải trả ngắn hạn	666.432,72	587.099,48	**13,51%**
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	38,33	505,61	**-92,42%**
	Phải trả ngắn hạn khác	26.382,94	27.261,43	**-3,22%**
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	787.891,75	785.272,25	**0,33%**
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	123,15	123,15	**0,00%**
2	**Nợ dài hạn**	**-**	**7.704,53**	**-100,00%**
	Chi phí phải trả dài hạn	-	-	**-**
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	7.704,53	**-100,00%**
3	**Vốn chủ sở hữu**	**-989.503,93**	**- 834.240,60**	**18,61%**
	Vốn góp của chủ sở hữu	500.000,00	500.000,00	**0,00%**
	Quỹ đầu tư phát triển	9.142,93	9.142,93	**0,00%**
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	- 1.498.646,86	-1.343.383,53	**11,56%**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		**565.287,97**	**639.436,93**	**-11,60%**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2025, một lần nữa công ty tiếp tục thay đổi mô hình tổ chức công ty theo hướng tinh gọn mạnh bộ máy quản lý điều hành từ ban tổng giám đốc trở xuống đến các bộ phận phòng ban , hợp nhất các phòng ban , hợp nhất các nhà máy, các bộ phận trong khối sản xuất để phù hợp hơn với tình hình sản xuất kinh doanh . Áp dụng số hóa nhiều hơn trong công tác quản lý giúp việc điều hành được nhanh chóng, kịp thời chính xác hơn nữa.

Trong sản xuất công ty xây dựng và đưa ra phương án và triển khai thay đổi chính sách tiền lương từ khoán sản phẩm tháng cho nhà máy sang hình thức khoán từng đơn vị sản phẩm

trong công đoạn đến từng người lao động trong giờ công ,ngày công giúp cho người lao động nhận thấy rõ năng lực của bản thân đồng thời kích thích nội lực tích cực phấn đấu cho đạt số lượng sản phẩm trong ngày công để có thu nhập cá nhân cao giúp ổn định nhân sự và cùng nâng sản lượng công ty cùng doanh thu công ty .

Thực hiện phân công bố trí đúng người đúng khả năng tăng việc, tăng ca, tăng giờ trong tình hình lao động trong ngành bị thiếu hụt trầm trọng, đẩy mạnh phương án tuyển dụng bằng các hình thức trực tuyến, trực tiếp, tăng các chế độ lương thưởng, phúc lợi. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện năng triển khai kiểm soát cân đối sản xuất, làm việc tối ưu hóa phục vụ sản xuất, lắp đặt các thiết bị điều khiển, đo đếm chi tiết hệ thống điện vận hành phụ trợ. Thực hiện và triển khai quản lý chất lượng sản phẩm tiêu chuẩn quốc tế được đánh giá công nhận chuẩn BIS

Về công tác tài chính, dù gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận vốn từ các ngân hàng trong nước, Ban Tổng giám đốc đã chủ động tìm kiếm các nguồn vốn thay thế, đặc biệt là từ các đối tác nước ngoài. Kết quả là công ty đã thiết lập được hạn mức tín dụng nhập khẩu nguyên liệu, góp phần duy trì sản xuất trong giai đoạn thắt chặt. Đáng chú ý, vào cuối năm 2025, đối tác đã tin tưởng nâng hạn mức tài trợ vốn. Đây là tiền đề quan trọng để chúng tôi tiếp tục tìm kiếm thêm các nguồn tài chính mới và tối ưu hóa dự trữ nguyên liệu trong năm 2026.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Trước những đánh giá khó khăn và thách thức trong năm 2025, ban tổng giám đốc công ty đã định hướng và đặt ra mục tiêu cụ thể cho từng nhà máy, với những giải pháp cụ thể như sau:

Tối ưu hóa năng lực sản xuất và quản trị chi phí:

Nâng cao hiệu suất: Tập trung cải tiến công nghệ để tăng chất lượng và sản lượng; khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị hiện có.

Quản trị vận hành: Điều phối nhân sự và thiết bị linh hoạt nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất, đồng thời quyết liệt cắt giảm chi phí điện năng phụ trợ và định mức tiêu hao nguyên liệu.

Chủ động bảo trì: Kiểm soát chặt chẽ vật tư, tìm kiếm và thay đổi phụ tùng cải tiến phù hợp với điều kiện thực tế để tăng tính chủ động và giảm chi phí bảo dưỡng định kỳ.

Chiến lược đa dạng hóa sản phẩm:

Công ty tiếp tục duy trì dải sản phẩm sợi đa dạng với nhiều chỉ số khác nhau để đáp ứng mọi nhu cầu thị trường:

Sợi Polyester tái sinh: Được xác định là sản phẩm chiến lược trọng tâm, đón đầu xu hướng tiêu dùng xanh và bền vững toàn cầu. Công ty sẽ ưu tiên mọi nguồn lực để phát triển dòng hàng này.

Sợi Polyester nguyên sinh: Tập trung tuyển chọn nguồn nguyên liệu đầu vào cao cấp nhằm nâng tầm chất lượng, hướng tới phân khúc khách hàng đòi hỏi tiêu chuẩn khắt khe.

Sợi 100% Cotton: Dự báo năm 2026 thị trường vẫn còn nhiều khó khăn và yêu cầu vốn lưu động lớn. Để đảm bảo an toàn tài chính, Công ty tiếp tục duy trì định hướng gia công thay vì tự doanh đối với mặt hàng này.

Đẩy mạnh bán hàng và chăm sóc khách hàng:

Công ty xác định công tác bán hàng và hậu mãi là yếu tố sống còn trong chiến lược phát triển bền vững. Ban điều hành chỉ đạo tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, duy trì việc thăm hỏi khách hàng thường xuyên để lắng nghe phản hồi trực tiếp. Từ những yêu cầu thực tế này, Công ty sẽ tinh chỉnh quy trình sản xuất để cung ứng các dòng sản phẩm chuyên biệt, đáp ứng chính xác nhu cầu của từng thị trường cụ thể.

Mở rộng thị trường nội địa:

Trọng tâm trong năm 2026 là tiếp tục củng cố và phát triển mạng lưới khách hàng tại các thị trường lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Đây là những khu vực tiêu thụ trọng điểm giúp Công ty duy trì dòng tiền ổn định.

Khôi phục và bứt phá thị trường xuất khẩu:

Đối với thị trường quốc tế, ưu tiên hàng đầu của Công ty trong năm 2026 là hoàn tất thủ tục và cấp giấy chứng nhận BIS. Đây là chìa khóa then chốt để khôi phục hoạt động xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ. Với những nỗ lực bền bỉ từ giai đoạn trước, Công ty đặt kỳ vọng cao vào việc hoàn thành chứng chỉ này ngay trong Quý 2/2026, từ đó tạo bước ngoặt lớn về doanh thu và sản lượng xuất khẩu cho giai đoạn cuối năm.

Giải pháp về tài chính:

Trong năm 2026, Công ty xác định ưu tiên hàng đầu là tự chủ nguồn vốn lưu động để khắc phục những rào cản khi tiếp cận tín dụng trong nước. Trọng tâm của chiến lược này là duy trì mối quan hệ bền chặt và đàm phán để tiếp tục nâng cao hạn mức tài trợ vốn từ các đối tác nước ngoài đã thiết lập trước đó. Việc mở rộng quy mô hạn mức tín dụng ngoại không chỉ giúp Công ty có thêm nguồn lực tài chính dồi dào để chủ động nhập mua và dự trữ nguyên liệu tại những thời điểm thị trường có mức giá tốt nhằm tối ưu hóa giá thành sản xuất, mà còn kết hợp chặt chẽ với chính sách kinh doanh linh hoạt thông qua việc khuyến khích khách hàng thanh toán trước bằng các cơ chế ưu đãi phù hợp. Giải pháp tổng thể này sẽ giúp tận dụng tối đa nguồn vốn từ thị trường, giảm áp lực nợ vay và chi phí lãi suất, đồng thời đảm bảo tính thanh khoản vững chắc cho mọi hoạt động vận hành thường xuyên của Công ty.

Bảng 9: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026
1	Sản lượng	Tấn	15.100
2	Doanh thu	Tỷ đồng	555
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,3

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Bất chấp những khó khăn chung của thị trường, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn được duy trì ổn định và đảm bảo đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước. Trong năm, Công ty đã thực hiện bù trừ 16,6 tỷ đồng thuế GTGT (tăng 25% so với năm 2024) và trực tiếp nộp ngân sách 12,8 tỷ đồng thuế GTGT hàng nhập khẩu và thuế xuất nhập khẩu, cùng với các khoản tiền thuê đất và thuế TNCN phát sinh, công ty không nợ thuế hay bị cưỡng chế hóa đơn. Bên cạnh đó, với 100% các khoản vay đều có tài sản đảm bảo, Công ty luôn chủ động phối hợp cùng các ngân hàng để thực hiện các chính sách hỗ trợ và phục hồi sản xuất. Song song với lộ trình tái cấu trúc toàn diện về tổ chức và quản trị tài chính, Công ty đã và đang tập trung cơ cấu lại các khoản nợ vay quá hạn, đồng thời duy trì và mở rộng uy tín về hạn mức tín dụng nhập khẩu trả sau với các đối tác nước ngoài để đảm bảo nguồn cung nguyên liệu bền vững.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong bối cảnh thị trường toàn cầu đầy biến động, ngành dệt may Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn: nhu cầu tiêu dùng suy giảm, chi phí nguyên liệu tăng cao và những tác động từ biến động kinh tế quốc tế. Trong bối cảnh đó Công ty ghi nhận kết quả không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra : Doanh thu thuần đạt 192 tỷ đồng (chỉ bằng 45,9% kế hoạch) và lợi nhuận trước thuế âm 155 tỷ đồng .

Công tác quản trị công ty:

HĐQT luôn chỉ đạo các bộ phận thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT và đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Công tác quản lý, giám sát tài chính:

Trước những thách thức về công nợ và rủi ro tài chính, công ty đã chủ động thực hiện trích lập các khoản phải thu khó đòi, qua đó giảm thiểu nguy cơ tổn thất và đảm bảo tính minh bạch trong báo cáo tài chính. Đồng thời, chính sách bán hàng thu tiền trước đã được áp dụng, giúp cải thiện dòng tiền và giảm áp lực tài chính trong hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó, công ty đã tích cực đôn đốc công nợ, đảm bảo thu hồi kịp thời các khoản phải thu phát sinh, tránh tình trạng công nợ kéo dài gây ảnh hưởng đến hoạt động chung. Đặc biệt, nhờ sự chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý tài chính, công ty đã thành công trong việc xin xóa lãi quá hạn và điều chỉnh không tính phạt lãi vay quá hạn. Điều này không chỉ giúp giảm áp lực chi phí tài chính mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban tổng giám đốc Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh nhằm phù hợp với mục tiêu, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong năm 2025, Ban Tổng giám đốc đã thể hiện vai trò điều hành tích cực, linh hoạt và quyết liệt trong bối cảnh thị trường dệt may đầy biến động. HĐQT ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Ban tổng giám đốc trong các mặt công tác sau:

Công tác quản trị : Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện nhiệm vụ đúng theo tinh thần các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT và các quyền, nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều hành sản xuất – kinh doanh : Ban Tổng giám đốc chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó biến động thị trường, triển khai hiệu quả kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu đơn hàng, góp phần duy trì dòng tài chính. Với tinh thần chủ động, luôn bám sát kế hoạch sản xuất và tình hình thị trường, Ban Tổng giám đốc Công ty đã nỗ lực tìm mọi phương án kinh doanh sản xuất duy trì hoạt động của các nhà máy đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động.

Công tác tài chính: Công tác quản trị tài chính được thực hiện minh bạch, nghiêm túc và kịp thời. Trong điều kiện chi phí đầu vào tăng cao, Ban Tổng giám đốc đã tích cực thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, tối ưu hóa định mức tiêu hao nguyên vật liệu, cải tiến quy trình sản xuất và nâng cao hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị. Công tác quản trị tồn kho, dòng tiền và cân đối nguồn vốn được chú trọng nhằm đảm bảo khả năng thanh toán và hạn chế rủi ro tài chính trong điều kiện kết quả kinh doanh bị thua lỗ.

Phát triển thị trường: Mặc dù nhu cầu chung suy giảm, Ban tổng giám đốc vẫn nỗ lực duy trì, chú trọng mối quan hệ với khách hàng, xây dựng trên nền tảng uy tín đối với tất cả khách hàng mua hàng và các nhà cung cấp tạo niền tin cho khách hàng và đối tác đồng thời mở rộng thêm thị trường mới, góp phần giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số khách hàng, thị trường nhất định giúp duy trì doanh số bán hàng. Các đơn hàng, hợp đồng luôn có trước từ 2-3 tháng so với kế hoạch sản xuất.

Quản trị nguồn nhân lực: Trước khó khăn trong công tác tuyển dụng nhân sự, Ban Tổng giám đốc đã có những phương án tái cơ cấu lại bộ máy nhân sự quản lý, chuyển đổi lại mô hình sản xuất phù hợp với tình hình thực tế và giảm số lượng nhân sự định biên, nâng cao thu nhập cho người lao động đồng thời đã chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ quản lý và người lao động, tăng năng suất lao động giữa bối cảnh cạnh tranh lao động gay gắt trong ngành. Tuy nhiên,

tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực vẫn là thách thức lớn, ảnh hưởng đến sản lượng và tiến độ giao hàng trong một số thời điểm.

Đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, phát triển sản phẩm xanh: Ban tổng giám đốc tiếp tục đưa vào sản xuất dòng sản phẩm sợi tái sinh mầu không qua tẩy nhuộm thân thiện môi trường đồng thời nỗ lực thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng sản xuất đồng thời giảm mức tác động đến môi trường xung quanh, thông qua việc tiết kiệm giảm tiêu thụ năng lượng, nước, giảm lượng khí thải và quản lý tốt chất lượng rác thải, nước thải. Tiếp tục áp dụng công nghệ số vào quản lý điều hành sản xuất thông qua ứng dụng Base.vn và từng bước đầu tư vào dây chuyền sản xuất thiết bị hiện đại, chuyển đổi số trong quản lý

Đánh giá chung : Căn cứ vào Điều lệ, những quy định, quy chế đã ban hành , HĐQT giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định công việc kinh doanh hàng tháng, hàng qúy của Công ty đồng thời tổ chức thực hiện các Quyết định, Nghị Quyết và phương hướng của HĐQT và ĐHCĐ giao cho. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi qúy và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình hoạt động của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu. HĐQT đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quyết định ĐHĐCĐ của HĐQT đồng thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích tối đa của Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 chưa đạt mục tiêu đề ra do nhiều ảnh hưởng của thị trường. Ban Tổng giám đốc cần phải nỗ lực hơn nữa trong năm 2026 trước bối cảnh kinh doanh còn nhiều thách thức. Ban Tổng giám đốc cần đưa ra chiến lược cụ thể cho hoạt động kinh doanh, tiếp tục phát triển ổn định thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm tạo tính cạnh tranh trong giá bán. Các phòng ban chức năng cần phải làm tốt chức năng của mình để hỗ trợ Ban Tổng giám đốc điều hành, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, phát hiện những điểm cần cải tiến để ngăn ngừa rủi ro xuất phát từ nội bộ Công ty, từ đó tăng cường nội lực để ứng phó với rủi ro bên ngoài.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2026

Căn cứ vào tình hình thực tế năm 2025, dự báo thị trường ngành sợi và năng lực hiện có của Công ty, Hội đồng Quản trị xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với mục tiêu trọng tâm là: **ổn định sản xuất – cải thiện hiệu quả – từng bước phục hồi lợi nhuận**, cụ thể như sau :

Kế hoạch sản xuất :

+ Tổ chức sản xuất theo đơn hàng, hạn chế tồn kho thành phẩm.

+ Tăng hiệu suất máy, giảm thời gian dừng máy và hao hụt

+ Tập trung sản xuất các dòng sợi có biên lợi nhuận tốt và nhu cầu ổn định.

+ Chủ động kế hoạch bảo trì thiết bị nhằm đảm bảo sản xuất vận hành liên tục.

+ Tối ưu định mức tiêu hao nguyên liệu, điện năng và nhân công

+ Xây dựng kịch bản điều hành theo từng cấp độ biến động của thị trường.

Kế hoạch thị trường và kinh doanh:

+ Giữ vững khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới.

+ Mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực Châu Á và từng bước tiếp cận các thị trường tiềm năng khác

+ Chính sách bán hàng linh hoạt theo biến động giá nguyên liệu và tỷ giá

+ Rút ngắn thời gian giao hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

+ Tăng cường hoạt động marketing, kết nối thương mại .

Kế hoạch tài chính :

+ Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất và chi phí quản lý.

+ Tái cơ cấu các khoản vay theo hướng giảm áp lực lãi vay và cải thiện dòng tiền .

+ Quản trị công nợ khách hàng chặt chẽ, hạn chế rủi ro nợ xấu

+ Tối ưu tồn kho nguyên liệu theo xu hướng giá thị trường.

+ Xem xét các phương án tăng vốn lưu động khi cần thiết để đảm bảo sản xuất.

+ Chuyển đổi mục tiêu các dự án của Công ty sang cho thuê nhà xưởng, sản xuất công nghiệp để tối ưu hiệu quả kinh doanh của các dự án.

Kế hoạch nhân sự:

+ Ổn định lực lượng lao động cốt lõi và nâng cao năng suất lao động .

+ Xây dựng chính sách tuyển dụng và giữ chân lao động phù hợp.

+ Tăng cường đào tạo tay nghề, kỹ năng vận hành thiết bị và ý thức tiết giảm chi phí.

+ Hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu quả công việc gắn với năng suất và chất lượng

Hội đồng quản trị tin rằng, với chiến lược phù hợp cùng sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên, công ty sẽ từng bước vượt qua thách thức, củng cố vị thế trên thị trường và hướng tới phát triển bền vững trong tương lai.

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bảng 10: Thành viên HĐQT Fortex ngày 31/12/2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT	5.100.000	10,2%
2.	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%
3.	Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	0	0%
4.	Trần Xuân Tiến	Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc.	0	0%
5.	Đào Thị Huệ	Thành viên HĐQT	0	0%

SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT – ÔNG LÊ MẠNH THƯỜNG

Năm sinh : 1975
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Thái Thụy , Thái Bình

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : -

Quá trình công tác:
2006 – 2013: Chủ tịch HĐQT CTCP Vinaland
2006 – 2016: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển Phú Việt
2013 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT - ÔNG ĐỖ VĂN SINH

Năm sinh : 1980
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Thái Thụy, Thái Bình

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Quá trình công tác:
2004 - 2012: Trưởng phòng kinh doanh CTCP Tập đoàn Đại Cường
2013 - 2016: Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
2017 - 2018: Trợ lý TGĐ , Phó Giám Đốc Ki CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản miền trung
12/2018 - 4/2019: Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
4/2019 - Nay: Tổng Giám Đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT - ÔNG NGUYỄN HOÀNG GIANG

Năm sinh	: 1980
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Kim Bảng, Hà Nam
Trình độ chuyên môn	: Tiến sĩ kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: TV HĐQT tại công ty cổ phần Fideco Trưởng BKS CTCP Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác:

10/2002 - 6/2007: Trưởng bộ phận chế độ tài chính kế toán tổng hợp - phòng tài chính kế toán

- Bưu điện Hà Nội

7/2007 - 2/2010: Phó phòng tư vấn CTCP Chứng khoán Bảo Việt

2/2008 - 4/2010: TV Ban kiểm soát CTCP Khoáng sản Bắc Kạn

3/2010 - 2/2012: PGĐ chi nhánh Hà Nội, PGĐ Ngân hàng đầu tư, GĐ khối tư vấn TCDN, CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn thương tín

4/2010 - 6/2012: TV HĐQT CTCP Thép Đình Vũ

3/2012 - 1/2013: Giám đốc tư vấn CTCP Bamboo Capital

3/2012 - 4/2013: TV Ban kiểm soát CTCP bảo hiểm AAA

02/2013 - 6/2013: Trưởng phòng tư vấn CTCP chứng khoán quốc gia

6/2015 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Fideco

10/2015 – 03/2017: TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP XNK Thủy Sản Miền Trung.

8/2015 – 5/2020: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Trường Thành

08/2018 – 09/2020: Phó TGĐ Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

05/2016 – 04/2021: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Dược Danapha.

9/2015 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT – BÀ ĐÀO THỊ HUỆ

Năm sinh	: 1985
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Hưng Hà, Thái Bình
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư tự động hóa
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không

Quá trình công tác:

2011 – 2012 : Nhân viên phòng Kế hoạch – XNK Công ty CP Tập đoàn Đại Cường

2012 – 2015 : Phó phòng Kế hoạch – XNK Công ty CP Tập đoàn Đại Cường

2016 – 2018 : Phó phòng Hành chính Nhân sự Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

09/2017 – 09/2018 : Thư ký HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

04/2019 – 04/2020 : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

2019 – T9/2024 : Trưởng phòng mua hàng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

T9/2024-Nay: Trưởng phòng NS-HC

Thành viên HĐQT - ÔNG TRẦN XUÂN TIẾN

Năm sinh	: 1975
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Vũ Thư, Thái Bình
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư công nghiệp, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không

Quá trình công tác:

08/2010 – 11/2019: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

11/2019 – Nay: Phó tổng giám đốc phụ trách sản xuất Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2025:

Bảng 11: Thông tin về thành viên của HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	**4/4**	**100%**	
2	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	**4/4**	**100%**	
3	Đỗ Văn Sinh	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	**4/4**	**100%**	
4	Trần Xuân Tiến	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	**4/4**	**100%**	
5	Đào Thị Huệ	TV HĐQT không điều hành	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	**4/4**	**100%**	

Trong năm 2025, HĐQT đã thông qua 6 nghị quyết:

Bảng 12: Các nghị quyết HĐQT

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	26/2025/NQ-FTM-HĐQT	28/03/2025	Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán
2	27/2025/NQ-FTM-HĐQT	28/03/2025	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
3	46/2025/NQ-FTM-HĐQT	10/05/2025	Thống nhất thời gian chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự đại hội, dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
4	58/2025/NQ-FTM-HĐQT	06/06/2025	Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và thông qua chương trình, tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
5	81/2025/NQ-FTM-HĐQT	14/07/2025	Thông qua việc lựa chọn đơn vị : **Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)** là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính soát xét bán niên và báo cáo tài chính năm 2025
6	108/2025/NQ-FTM-HĐQT	25/12/2025	Thông qua sơ bộ kết quả kinh doanh năm 2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 25/06/2020, Hội đồng quản trị ra Quyết định thành lập tiểu ban kiểm toán nội bộ (Ủy ban kiểm toán). Sau thời gian thành lập, Ủy ban kiểm toán nội bộ hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã đề ra.

Bảng 13: Thông tin về thành viên Uỷ ban kiểm toán năm 2025:

STT	Thành viên UBKT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV Uỷ ban kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Hoàng Giang	TV HĐQT độc lập	05/07/2021	Tiến sỹ kinh tế
2	Bà Đào Thị Huệ	TV HĐQT	05/07/2021	Kỹ sư điện tự động hóa

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Những thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tích cực tham gia quản trị công ty nói chung cũng như Ban Tổng Giám đốc nói riêng; đưa ra những đánh giá, những ý kiến khách quan nhằm mục tiêu cuối cùng là để kiện toàn công tác quản trị công ty; đồng thời hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Giám sát hoạt động quản trị và điều hành của HĐQT, Ban điều hành
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết HĐQT
- Giám sát tình hình tài chính công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, đóng góp ý kiến độc lập, khách quan để cùng HĐQT thảo luận, đánh giá và hỗ trợ đưa ra những quy định tối ưu.

Trong năm 2025, Ủy ban kiểm toán có 2 cuộc họp:

Bảng 14: Các cuộc họp Ủy ban kiểm toán năm 2025

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Nguyễn Hoàng Giang	2	100%	100%
2	Đào Thị Huệ	2	100%	100%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Lương, thưởng, thù lao

Theo Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh Nghiệp 2020, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, đã được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty. Tổng lương, thưởng, thù lao của HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty năm 2025 là 1.200.000.000 VNĐ.

stt	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THU NHẬP NĂM 2025	
			Hưởng Lương	Hưởng thù lao
I	**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**		**-**	**360.000.00**
1		Lê Mạnh Thường - Chủ tịch		96.000.000
2		Đỗ Văn Sinh - Thành viên; Tổng Giám đốc		60.000.000
3		Nguyễn Hoàng Giang -Thành viên		60.000.000
4		Trần Xuân Tiến- Thành viên, Phó Tổng giám đốc		60.000.000
5		Đào Thị Huê- Thành viên		60.000.000
6		Lưu Thị Thùy Minh - Thư ký HĐQT		24.000.000
II	**ỦY BAN KIỂM TOÁN**		**-**	**60.000.00**
1		Nguyễn Hoàng Giang -Trưởng ban		36.000.000
2		Đào Thị Huệ- Thành viên		24.000.000
III	**BAN ĐIỀU HÀNH**			**-**
1		Đỗ Văn Sinh- Tổng Giám đốc	300.000.000	
2		Trần Xuân Tiến- Phó Tổng giám đốc	240.000.000	
4		Đào Văn Nam – PTGĐ/Kế toán trưởng	240.000.000	
	TỔNG CỘNG		780.000.000	**420.000.00**

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo các quy định của Pháp luật và nội bộ về Quản trị Công ty. Công ty luôn xem xét các thực tiễn tốt nhất về Quản trị Công ty để áp dụng đối với Doanh nghiệp mình.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo thường niên 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Tháng 03 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
1000400095, đăng ký lần đầu ngày 30/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04/08/2025 Sở Tài Chính tỉnh Hưng Yên cấp.
Trụ sở chính
Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên
Ông Trần Xuân Tiến	Thành viên
Bà Đào Thị Huệ	Thành viên

Ủy ban Kiểm toán nội bộ

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán nội bộ trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng ban
Bà Đào Thị Huệ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Văn Sinh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/09/2024 theo Nghị quyết 115/2024/NQ-FTM_HĐQT ngày 30/08/2024)

Đại diện theo pháp luật

Ông Đỗ Văn Sinh	Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 1000400095 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
TP. THÁI BÌNH - T. THÁI BÌNH

Đỗ Văn Sinh
Tổng Giám đốc
Hưng Yên, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2026

Số:/ BCKT-TC/AVA.NV9

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở ý kiến từ chối

Giả định hoạt động liên tục:

Như được trình bày tại Thuyết minh 2.1, Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nợ phải trả của Công ty vượt quá tổng tài sản 989.503.933.145 VND và phát sinh khoản lỗ trên Báo cáo tài chính là: 155.263.332.625 đồng.

Ngoài ra, Các khoản vay Ngân hàng quá hạn thanh toán số tiền: 774.094.985.391 đồng tại thuyết minh số 23 và Lãi vay ngân hàng quá hạn thanh toán chưa được gia hạn nợ số tiền: 405.528.503.569 đồng tại thuyết minh số 20.

Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này, cơ bản tùy thuộc vào việc Ban giám đốc đưa ra các chiến lược kinh doanh để cải thiện tình hình của Công ty cũng như duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Tuy nhiên, từ năm 2019 đến nay, Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, đã và đang phải thực hiện nhiều biện pháp tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai phụ thuộc nhiều vào việc tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính bao gồm cơ cấu lại khoản nợ vay quá hạn như đã nêu ở trên và bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

Do đó, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục được áp dụng trong việc trình bày báo cáo này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thực hiện các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính, trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động liên tục.

Tại thời điểm 31/12/2025, Chúng tôi chưa thu thập đầy đủ thư xác nhận các khoản phải thu khác hàng số tiền: 374.875.666.566 đồng tại thuyết minh số 7, trả trước cho người bán số tiền: 72.219.248.110 đồng tại thuyết minh số 8 cũng như chưa đánh giá được khả năng thu hồi của khoản này. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế vì vậy không thể đưa ý kiến về tính hiện hữu và đánh giá của các số dư này trên Báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu trong phần "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể và không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mai Quang Hiệp **Phó Tổng Giám đốc** Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1320-2023-126-1	**Nguyễn Bảo Trung** **Kiểm toán viên** Giấy CNĐKHN kiểm toán số số 0373-2023-126-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**349.286.818.532**	**359.391.703.020**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5	**584.540.342**	**8.733.737.152**
1. Tiền	111		584.540.342	8.733.737.152
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	6	**1.500.000.000**	**1.500.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.500.000.000	1.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**198.168.201.808**	**198.214.581.624**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	390.050.731.831	389.629.220.935
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	218.962.101.365	219.232.159.404
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	54.845.986.828	55.043.819.501
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(465.690.618.216)	(465.690.618.216)
IV. Hàng tồn kho	**140**	12	**148.299.860.065**	**149.990.368.362**
1. Hàng tồn kho	141		148.299.860.065	149.990.368.362
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**734.216.317**	**953.015.882**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	609.191.146	692.217.115
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	19	125.025.171	260.798.767
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**216.001.151.307**	**280.045.231.203**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**7.796.795.818**	**24.166.370.318**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	7.796.795.818	24.166.370.318
II. Tài sản cố định	**220**		**142.485.889.934**	**189.568.222.288**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	141.566.300.359	187.729.043.169
- *Nguyên giá*	*222*		*1.010.421.130.106*	*1.010.421.130.106*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(868.854.829.747)*	*(822.692.086.937)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	919.589.575	1.839.179.119
- *Nguyên giá*	*228*		*7.944.995.383*	*7.944.995.383*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(7.025.405.808)*	*(6.105.816.264)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	16	**64.098.399.230**	**64.048.708.230**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		64.098.399.230	64.048.708.230
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.620.066.325**	**2.261.930.367**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.620.066.325	2.261.930.367
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**565.287.969.839**	**639.436.934.223**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
	D.V. Nao	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN M.S.D.N: 1000400095-C.T.C.P TP. THÁI BÌNH - T. THÁI BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Trần Thị Quý **Đào Văn Nam** **Đỗ Văn Sinh**

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**1.554.791.902.984**	**1.473.677.534.743**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.554.791.902.984**	**1.465.973.007.743**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	51.024.501.869	49.041.942.433
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	10.426.116.367	13.203.737.507
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	148.245.855	21.808.877
4. Phải trả người lao động	314		2.324.139.000	3.063.601.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	666.432.725.122	587.099.485.624
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	38.333.333	525.609.091
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	26.382.941.937	27.621.426.600
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	797.891.753.213	785.272.250.323
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		123.146.288	123.146.288
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**7.704.527.000**
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	-	7.704.527.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**(989.503.933.145)**	**(834.240.600.520)**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	24	**(989.503.933.145)**	**(834.240.600.520)**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*500.000.000.000*	*500.000.000.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.142.927.632	9.142.927.632
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.498.646.860.777)	(1.343.383.528.152)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*(1.343.383.528.152)*	*(1.216.094.637.430)*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*(155.263.332.625)*	*(127.288.890.722)*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**565.287.969.839**	**639.436.934.223**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Quý	Đào Văn Nam	Đỗ Văn Sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Mẫu số B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	**01**	**191.913.831.084**	**182.924.996.098**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	02	75.473.996	145.358.196
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	27	**10**	**191.838.357.088**	**182.779.637.902**
4. Giá vốn hàng bán	28	11	229.940.641.803	182.290.761.045
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		**20**	**(38.102.284.715)**	**488.876.857**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	21	949.519.555	6.499.230.699
7. Chi phí tài chính	30	22	85.434.600.873	91.367.974.530
- Trong đó: Chi phí lãi vay		*23*	*77.497.825.433*	*76.004.305.555*
8. Chi phí bán hàng	31	25	992.020.822	1.795.892.105
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	26	11.090.812.646	88.073.001.507
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))		**30**	**(134.670.199.501)**	**(174.248.760.586)**
11. Thu nhập khác	32	31	653.277.258	110.633.474.840
12. Chi phí khác	33	32	21.246.410.382	63.673.604.976
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		**40**	**(20.593.133.124)**	**46.959.869.864**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		**50**	**(155.263.332.625)**	**(127.288.890.722)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		51	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		**60**	**(155.263.332.625)**	**(127.288.890.722)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	70	(3.105)	(2.546)

Thái Bình, ngày 25/03/2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Quý	Đào Văn Nam	Đỗ Văn Sinh

Mẫu số B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**(155.263.332.625)**	**(127.288.890.722)**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	46.162.742.810	46.810.350.641
- Các khoản dự phòng	03	-	74.381.288.110
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7.160.833.885	9.321.722.843
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	-
- Chi phí lãi vay	06	77.497.825.433	76.004.305.555
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**(24.441.930.497)**	**79.228.776.427**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(25.542.463.993)	7.212.962.083
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.690.508.297	(25.930.274.341)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	38.354.064.707	(94.482.216.045)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	724.890.011	1.972.285.069
- Tiền lãi vay đã trả	14	1.835.414.065	1.924.495.461
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(7.379.517.410)**	**(30.073.971.346)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	-	43.973.416.900
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**-**	**43.973.416.900**
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(769.679.400)	(6.252.684.415)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(769.679.400)**	**(6.252.684.415)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(8.149.196.810)**	**7.646.761.139**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**8.733.737.152**	**1.086.976.013**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**584.540.342**	**8.733.737.152**

Trần Thị Quý	Đào Văn Nam	Đỗ Văn Sinh
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thái Bình, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000400095, đăng ký lần đầu ngày 30/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04/08/2025 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp.
Trụ sở chính của Công ty: Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.
Vốn điều lệ của Công ty: 500.000.000.000 đồng.
Tổng số cổ phần là 50.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sợi.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
Sản xuất và kinh doanh các loại sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất hàng may sẵn trừ trang phục; May trang phục trừ trang phục từ da lông thú; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú; Sản xuất trang phục dệt kim đan móc; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn sợi); Xây dựng công trình dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Cho thuê kho xưởng;..

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số cán bộ nhân viên

Tại ngày 31/12/2025, tổng số nhân viên của Công ty là 232 người (Tại ngày 31/12/2024, tổng số nhân viên của Công ty là 380 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH Kỳ

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là "đ"; ký hiệu quốc tế là "VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.2. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

4.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác

để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4.5. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	2025
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 – 20 năm
Máy móc và thiết bị	10 – 15 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	3– 10 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7.
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.8.
Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9.
Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.10. Ngu
yên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.11. Ngu
yên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang

được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

4.12. Ngu
yên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13. Ghi
nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi. (nếu có và lãi từ các khoản đầu tư được đánh giá là trọng yếu).

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;

- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;

- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);

- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;

- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

4.14. Ngu
yên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của thành phẩm

bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.15. Ngu
yên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.16. Ngu
yên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;

- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

4.18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

4.18.1.Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Cơ quan Công ty.

4.18.2.Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, chú ý tới bản chất của mối quan hệ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	454.972.541	7.852.596.810
Tiền gửi ngân hàng	129.567.801	881.140.342
	584.540.342	**8.733.737.152**

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá ghi sổ	Giá gốc	Giá ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**1.500.000.000**	**1.500.000.000**	**1.500.000.000**	**1.500.000.000**
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng (*)	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
	1.500.000.000	**1.500.000.000**	**1.500.000.000**	**1.500.000.000**

(*) Hợp đồng tiền gửi 1 năm, lãi suất tiền gửi 5,4%/năm

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	**390.050.731.831**	**389.629.220.935**
a. Các bên khác	**379.283.402.238**	**378.861.891.342**
Công ty Cổ phần Tân An	134.225.113.612	134.225.113.612
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Việt	138.920.055.754	138.920.055.754
Công ty TNHH XDTM Dịch vụ Phú Hoàng Phát	101.730.497.200	101.730.497.200
Các khoản phải thu khác	4.407.735.672	3.986.224.776
b. Các bên liên quan	**10.767.329.593**	**10.767.329.593**
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	10.767.329.593	10.767.329.593
	390.050.731.831	**389.629.220.935**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	**218.962.101.365**	**219.232.159.404**
a. Các bên khác	**146.742.853.255**	**147.012.911.294**
Tongkook International Trading Co., limited	138.716.007.074	138.716.007.074
Các đối tượng khác	8.026.846.181	8.296.904.220
b. Các bên liên quan	**72.219.248.110**	**72.219.248.110**
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	72.219.248.110	72.219.248.110
	218.962.101.365	**219.232.159.404**

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dài hạn		**-**	**24.166.370.318**	**-**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường (*)	7.697.795.818	-	24.045.370.318	-
Đối tượng khác	99.000.000	-	121.000.000	-
	7.796.795.818	**-**	**24.166.370.318**	**-**

(*) Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC18032021/HĐVT ngày 18/03/2021 số tiền 70.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền, lãi suất vay 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Ngày 17/03/2022, Phụ lục hợp đồng số 01/TC18032021/HĐVT/PL được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**54.845.986.828**	**-**	**55.043.819.501**	**-**
Các bên khác	**54.845.986.828**	**-**	**55.043.819.501**	**-**
Tạm ứng	75.547.787	-	200.547.787	-
Phải thu lãi cho vay	3.276.970.543	-	3.276.970.543	-
Công ty Cổ phần Bất động sản New City (*)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Phải thu khác	1.493.468.498	-	1.566.301.171	-
	54.845.986.828	**-**	**55.043.819.501**	**-**

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản New City theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Bất động sản New City (Công ty) ký ngày 05/06/2019 về Dự án đầu tư, xây dựng khu nhà ở phù hợp với quy chuẩn quy hoạch đô thị được ban hành tại Quyết định phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Nam thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số 3249/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho khu đất tọa lạc tại phương Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có diện tích đất của toàn bộ dự án là 490.185,3 mét vuông để xây dựng nhà chia lô, công trình thương mại, công viên cây xanh, đất giao thông, đất kỹ thuật. Theo đó, Nhà đầu tư đồng ý góp vốn để phát triển dự án với số tiền là 50.000.000.000 đồng, tiến hành góp vốn trước ngày 31/12/2019; Sau khi dự án thực hiện thành công, Công ty có trách nhiệm bàn giao cho Nhà đầu tư được quyền khai thác và sử dụng 15 Lô biệt thự với diện tích 6.000 m2 hoặc Công ty phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn và một khoản lãi với lãi suất 7%/năm tính trên tổng số tiền Nhà đầu tư đã thực góp cho thời hạn kể từ ngày Nhà đầu tư chuyển khoản góp vào tài khoản góp vốn cho đến ngày Công ty hoàn trả đầy đủ.

11. NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá				
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Phú Hoàng Phát	101.730.497.200	-	101.730.497.200	-
Công ty Cổ phần Tân An	134.225.113.612	-	134.225.113.612	-
CTCP Đầu tư và phát triển Phú Việt	138.920.055.754	-	138.920.055.754	-
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	82.986.577.703	-	82.986.577.703	-
Các khoản khác	7.828.373.947	-	7.828.373.947	-
	465.690.618.216	**-**	**465.690.618.216**	**-**

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	125.233.966.442	-	100.514.255.627	-
Công cụ, dụng cụ	687.674.909	-	727.325.938	-
Thành phẩm	22.378.218.714	-	48.748.786.797	-
	148.299.860.065	**-**	**149.990.368.362**	**-**

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn	**609.191.146**	**692.217.115**
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	609.191.146	692.217.115
b. Dài hạn	**1.620.066.325**	**2.261.930.367**
Công cụ dụng cụ	1.493.757.683	2.074.147.163
Các khoản chi phí dài hạn khác	126.308.642	187.783.204
Cộng	**2.229.257.471**	**2.954.147.482**

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Chi tiết phụ lục 01)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2025	7.944.995.383	7.944.995.383
Tại ngày 31/12/2025	**7.944.995.383**	**7.944.995.383**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2025	6.105.816.264	6.105.816.264
Khấu hao trong năm	919.589.544	919.589.544
Tại ngày 31/12/2025	**7.025.405.808**	**7.025.405.808**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	**1.839.179.119**	**1.839.179.119**
Tại ngày 31/12/2025	**919.589.575**	**919.589.575**

16. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án nhà máy kéo sợi Đức Quân 6	64.098.399.230	64.048.708.230
	64.098.399.230	**64.048.708.230**

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên khác	**51.024.501.869**	**51.024.501.869**	**49.041.942.433**	**49.041.942.433**
Công ty CP BĐS New City	4.896.730.110	4.896.730.110	1.899.535.090	1.899.535.090
Công ty TNHH Hoa Thắng	212.373.130	212.373.130	251.173.130	251.173.130
Công ty TNHH Trịnh Trung L.A	15.050.601.784	15.050.601.784	20.870.601.784	20.870.601.784
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền trung	19.180.435.650	19.180.435.650	19.180.435.650	19.180.435.650
Phải trả các đối tượng khác	11.684.361.195	11.684.361.195	6.840.196.779	6.840.196.779
	51.024.501.869	**51.024.501.869**	**49.041.942.433**	**49.041.942.433**

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	**10.426.116.367**	**13.203.737.507**
Các bên khác	**10.426.116.367**	**13.203.737.507**
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Quân	-	1.590.868.337
Công ty TNHH Đức Hiếu	5.115.207.771	4.492.824.404
Các khách hàng khác	5.310.908.596	7.120.044.766
	10.426.116.367	**13.203.737.507**

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC (Chi tiết phụ lục 02)

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn	**666.432.725.122**	**587.099.485.624**
Chi phí lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình (*)	405.528.503.569	368.471.721.315
Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	260.904.221.553	218.627.764.309
Các khoản trích trước khác	-	-
	666.432.725.122	**587.099.485.624**

(*) Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01A/2014/HDODA-NHPT ngày 31/12/2014 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03/2014/HDTDDT-NHPT ngày 31/12/2014 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam-CN Thái Bình, Tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/11/2014 là 46.898.504.116 đồng. Số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến tháng 01 năm 2023. Các khoản chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 sẽ được trả hàng tháng.
Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 với Ngân hàng phát triển Việt Nam-Chi nhánh Thái Bình, tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/09/2014 là 82.522.519.923 đồng. Số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến quý 1 năm 2025. Các khoản chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 sẽ được trả hàng tháng.

Đến thời điểm 31/12/2025, lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình quá hạn thanh toán chưa được gia hạn nợ là 405.528.503.569 đồng.

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê xưởng	38.333.333	525.609.091
	38.333.333	**525.609.091**

22. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	153.684.000	236.223.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm TN	16.604.139.413	17.082.473.965
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.508.543.524	7.819.043.524
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.116.575.000	2.483.686.111
	26.382.941.937	**27.621.426.600**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Chi tiết Phụ lục 03)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	**500.000.000.000**	**9.142.927.632**	**(1.216.094.637.430)**	**(706.951.709.798)**
Lợi nhuận trong năm			(127.288.890.722)	(127.288.890.722)
Tại ngày 01/01/2025	**500.000.000.000**	**9.142.927.632**	**(1.343.383.528.152)**	**(834.240.600.520)**
Lợi nhuận trong năm			(155.263.332.625)	(155.263.332.625)
Tại ngày 31/12/2025	**500.000.000.000**	**9.142.927.632**	**(1.498.646.860.777)**	**(989.503.933.145)**

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	2025	2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*500.000.000.000*	*500.000.000.000*
- *Vốn góp tăng trong năm*	-	-
- *Vốn góp giảm trong năm*	-	-
- *Vốn góp cuối năm*	*500.000.000.000*	*500.000.000.000*

c. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- *Cổ phiếu phổ thông*	*50.000.000*	*50.000.000*
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- *Cổ phiếu phổ thông*		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- *Cổ phiếu phổ thông*	*50.000.000*	*50.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/cổ phiếu)		

25. DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	177.301.515.267	150.614.224.265
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.605.878.317	31.183.726.380
Doanh thu khác	2.006.437.500	1.127.045.453
	191.913.831.084	**182.924.996.098**

26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	75.473.996	145.358.196
	75.473.996	**145.358.196**

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	177.301.515.267	150.468.866.069
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.605.878.317	31.183.726.380
Doanh thu khác	1.930.963.504	1.127.045.453
	191.838.357.088	**182.779.637.902**

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	191.574.288.207	149.173.489.158
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	37.582.447.270	32.651.623.328
Giá vốn khác	783.906.326	465.648.559
	229.940.641.803	**182.290.761.045**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	82.211.273	457.284.567
Lãi chênh lệch tỷ giá	641.986.728	6.041.946.132
Đối tượng khác	225.321.554	0
	949.519.555	**6.499.230.699**

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	77.497.825.433	76.004.305.555
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.802.820.613	15.363.668.975
Chi phí khác	133.954.827	-
	85.434.600.873	**91.367.974.530**

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	**11.090.812.646**	**88.073.001.507**
Chi phí nhân viên quản lý	5.155.592.000	6.499.507.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.312.064.531	2.423.141.300
Chi phí công cụ dụng cụ	3.516.261	41.940.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.508.375	450.000
Chi phí bằng tiền khác	3.583.131.479	4.726.673.547
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	74.381.288.110
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	**992.020.822**	**1.795.892.105**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	896.301.335	-
Chi phí bằng tiền khác	95.719.487	1.795.892.105
Cộng	**12.082.833.468**	**89.868.893.612**

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê cơ sở hạ tầng	-	2.287.878.182
Thu nhập khác	653.277.258	2.071.504.380
Thu nhập từ xóa nợ lãi chậm trả	-	106.274.092.278
	653.277.258	**110.633.474.840**

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Phạt chậm nộp bảo hiểm	729.772.598	886.747.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	0	34.050.488.370
Chi phí lương nhân viên	2.566.793.000	14.646.608.091
Chi phí cho thuê cơ sở hạ tầng	0	891.935.400
Chi phí khác	17.949.844.784	13.197.825.356
	21.246.410.382	**63.673.604.976**

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(155.263.332.625)	(127.288.890.722)
Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi)		-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(155.263.332.625)**	**(127.288.890.722)**

Cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	**(3.105)**	**(2.546)**

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	133.513.553.504	126.852.015.361
Chi phí nhân công	30.641.736.105	36.109.094.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.082.332.354	48.053.678.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.432.729.519	43.709.542.693
Chi phí khác bằng tiền	8.983.986.689	92.392.595.103
	256.654.338.171	**347.116.925.883**

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	Công ty có liên quan

Số dư các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

Số dư các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính được trình bày tại thuyết minh số 7,8.

37. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THU NHẬP ĐẾN 31/12/2025	
			Hưởng Lương	Hưởng thù lao
I	**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**		**-**	**360.000.000**
1		Lê Mạnh Thường - Chủ tịch		96.000.000
2		Đỗ Văn Sinh - Thành viên; Tổng Giám đốc		60.000.000
3		Nguyễn Hoàng Giang - Thành viên		60.000.000
4		Trần Xuân Tiến - Thành viên, Phó Tổng giám đốc		60.000.000
5		Đào Thị Huệ - Thành viên		60.000.000
6		Lưu Thị Thùy Minh - Thư ký HĐQT		24.000.000
II	**ỦY BAN KIỂM TOÁN**		**-**	**60.000.000**
1		Nguyễn Hoàng Giang -Trưởng ban		36.000.000
2		Đào Thị Huệ - Thành viên		24.000.000
III	**BAN ĐIỀU HÀNH**		**780.000.000**	**-**
1		Đỗ Văn Sinh - Tổng Giám đốc	300.000.000	
2		Trần Xuân Tiến - Phó Tổng giám đốc	240.000.000	
3		Đào Văn Nam - Kế toán trưởng	240.000.000	
	TỔNG CỘNG		**780.000.000**	**420.000.000**

38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Quý	Đào Văn Nam	Đỗ Văn Sinh

PHỤ LỤC 01: BẢNG BIẾN ĐỘNG TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2025	**165.713.598.201**	**838.745.570.998**	**2.003.636.364**	**3.958.324.543**	**1.010.421.130.106**
Tại ngày 31/12/2025	**165.713.598.201**	**838.745.570.998**	**2.003.636.364**	**3.958.324.543**	**1.010.421.130.106**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2025	**85.929.943.902**	**732.097.349.793**	**1.652.153.876**	**3.012.639.366**	**822.692.086.937**
Khấu hao trong năm	7.218.200.428	38.362.149.499	109.550.115	472.842.768	46.162.742.810
Tại ngày 31/12/2025	**93.148.144.330**	**770.459.499.292**	**1.761.703.991**	**3.485.482.134**	**868.854.829.747**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	**79.783.654.299**	**106.648.221.205**	**351.482.488**	**945.685.177**	**187.729.043.169**
Tại ngày 31/12/2025	**72.565.453.871**	**68.286.071.706**	**241.932.373**	**472.842.409**	**141.566.300.359**

Trong đó:
Nguyên giá của các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là: 380.544.978.423 đồng
Đến thời điểm 31/12/2025, tất cả các Tài sản cố định đã được dùng để thế chấp các khoản vay ngân hàng.

PHỤ LỤC 02: THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2025		Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2025	
	Phải thu	*Phải trả*			*Phải thu*	*Phải trả*
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	260.798.767	-	45.678.530.291	45.542.756.695	125.025.171	-
- Thuế GTGT đầu ra	*260.798.767*	-	*33.131.648.329*	*32.995.874.733*	*125.025.171*	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	*12.546.881.962*	*12.546.881.962*	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	21.808.877	70.338.990	69.880.268	-	22.267.599
Tiền thuê đất	-	-	527.412.900	413.434.644	-	113.978.256
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	249.953.583	249.953.583	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			326.167.841	314.167.841	-	12.000.000
Các loại thuế khác	-	-	6.309.369	6.309.369	-	-
Cộng	**260.798.767**	**21.808.877**	**46.858.712.974**	**46.596.502.400**	**125.025.171**	**148.245.855**

PHỤ LỤC 03: BẢNG CHI TIẾT VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay bằng VND	**298.310.551.358**	**298.310.551.358**	**-**	**390.000.000**	**297.920.551.358**	**297.920.551.358**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (1)	*298.310.551.358*	*298.310.551.358*	*-*	*390.000.000*	*297.920.551.358*	*297.920.551.358*
Vay bằng USD	**140.596.932.600**	**140.596.932.600**	**4.924.827.000**	**379.679.400**	**145.142.080.200**	**145.142.080.200**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (1)	*140.596.932.600*	*140.596.932.600*	*4.924.827.000*	*379.679.400*	*145.142.080.200*	*145.142.080.200*
Vay dài hạn đến hạn trả (Trình bày thuyết minh vay dài hạn)	**346.364.766.365**	**346.364.766.365**	**8.527.827.629**	**63.472.339**	**354.829.121.655**	**354.829.121.655**
Cộng	**785.272.250.323**	**785.272.250.323**	**13.452.654.629**	**833.151.739**	**797.891.753.213**	**797.891.753.213**

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/1497403/HĐTD ngày 30 tháng 07 năm 2019. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC là 570 tỷ đồng. Trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn tối đa là 270 tỷ đồng. Hạn mức chiết khấu là 100 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời gian cấp hạn mức 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không quá ngày 31/01/2020. Thời hạn cho vay, lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là tài sản máy móc thuộc dây chuyền sản xuất 1.740 tấn, kho vật liệu phụ, hợp đồng thế chấp quyền sở hữu căn hộ ngày 13/06/2016 ký giữa ông Lê Mạnh Thường, bà Bùi Thị Hằng và Ngân hàng, hợp đồng cầm cố số 01/2017/1497403/CC/HĐBĐ ngày 20/02/2017 ký giữa Công ty và Ngân hàng, máy ghép và máy xe kiện, máy chải thô, máy kiểm tra độ bền sợi, hệ thống server và phụ trợ …

Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01.3/2019/1497403/HĐTD ngày 09 tháng 06 năm 2020 gia hạn hiệu lực mức tín dụng ngắn hạn năm 2019-2020 theo hợp đồng hạn mức tín dụng trên đến ngày 30/09/2020.

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	**354.069.293.365**	**354.069.293.365**	**759.828.290**	**-**	**354.829.121.655**	**354.829.121.655**
Các khoản vay dài hạn của công ty	**94.497.677.517**	**94.497.677.517**	**300.572.290**	**-**	**94.798.249.807**	**94.798.249.807**
Vay bằng VND	***85.199.950.445***	***85.199.950.445***	**-**	**-**	***85.199.950.445***	***85.199.950.445***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)	*57.030.751.685*	*57.030.751.685*			*57.030.751.685*	*57.030.751.685*
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - CN Thái Bình (3)	*28.169.198.760*	*28.169.198.760*			*28.169.198.760*	*28.169.198.760*
Vay bằng USD	***9.297.727.072***	***9.297.727.072***	***300.572.290***	**-**	***9.598.299.362***	***9.598.299.362***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)	*9.297.727.072*	*9.297.727.072*	*300.572.290*		*9.598.299.362*	*9.598.299.362*
Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	**259.571.615.848**	**259.571.615.848**	**459.256.000**	**-**	**260.030.871.848**	**260.030.871.848**
Vay bằng VND	***245.365.259.848***	***245.365.259.848***	**-**	**-**	***245.365.259.848***	***245.365.259.848***
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - CN Thái Bình (4)	*237.605.259.848*	*237.605.259.848*			*237.605.259.848*	*237.605.259.848*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)	*7.760.000.000*	*7.760.000.000*			*7.760.000.000*	*7.760.000.000*
Vay bằng USD	***14.206.356.000***	***14.206.356.000***	***459.256.000***	**-**	***14.665.612.000***	***14.665.612.000***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)	*14.206.356.000*	*14.206.356.000*	*459.256.000*		*14.665.612.000*	*14.665.612.000*
Trừ Nợ dài hạn đến hạn trả (Trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	**346.364.766.365**	**346.364.766.365**			**354.829.121.655**	**354.829.121.655**
Cộng	**7.704.527.000**	**7.704.527.000**	**759.828.290**	**-**	**-**	**-**

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	01/01/2025		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay của công ty	**94.497.667.853**	**94.497.667.853**	**94.798.240.143**	**94.798.240.143**
Vay bằng VND	**85.199.940.781**	**85.199.940.781**	**85.199.940.781**	**85.199.940.781**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)	*34.604.379.432*	*34.604.379.432*	*34.604.379.432*	*34.604.379.432*
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)- CN Thái Bình (3)	*50.595.561.349*	*50.595.561.349*	*50.595.561.349*	*50.595.561.349*
Vay bằng USD	**9.297.727.072**	**9.297.727.072**	**9.598.299.362**	**9.598.299.362**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)	*9.297.727.072*	*9.297.727.072*	*9.598.299.362*	*9.598.299.362*
Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	**251.867.098.512**	**251.867.098.512**	**260.030.881.512**	**260.030.881.512**
Vay bằng VND	**237.660.742.512**	**237.660.742.512**	**245.365.269.512**	**245.365.269.512**
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)- CN Thái Bình (4)	*229.900.742.512*	*229.900.742.512*	*237.605.269.512*	*237.605.269.512*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)	7.760.000.000	7.760.000.000	*7.760.000.000*	*7.760.000.000*
Vay bằng USD	**14.206.356.000**	**14.206.356.000**	**14.665.612.000**	**14.665.612.000**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)	*14.206.356.000*	*14.206.356.000*	*14.665.612.000*	*14.665.612.000*
Cộng	**346.364.766.365**	**346.364.766.365**	**354.829.121.655**	**354.829.121.655**

(2) Hợp đồng số 150/2007/0320 ngày 06 tháng 03 năm 2007 và văn bản bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/0320/PL ngày 06 tháng 10 năm 2016, với tổng số tiền cho vay là 49 tỷ đồng bao gồm cả ngoại tệ quy đổi và không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án. Mục đích vay để tài trợ phần máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng phục vụ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, kỳ hạn trả gốc cuối cùng là quý 4 năm 2021. Lãi suất cho vay thả nổi. Hình thức đảm bảo tiền vay là toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội bao gồm Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty và bên thứ ba; nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng toàn bộ số dư tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội và các tổ chức tín dụng khác.

Khế ước vay dài hạn số 15082000222569 số tiền 20.696.920.000 đồng, giải ngân ngày 28/09/2018. Thời hạn vay 10 năm. Mục đích vay để đầu tư nhà máy Đức Quân 6.

(3) Khoản vay dài hạn của Công ty với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng vay như sau:

(3.1) Hợp đồng vay vốn tín dụng Đầu tư phát triển của Nhà nước số 03 /2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTDĐT - NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn tín dụng Đầu tư phát triển của nhà nước tối đa là 90.400.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vẫn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 7,8%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là Tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng VDB - Chi nhánh Thái Bình bao gồm Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

(3.2) Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn ODA tối đa là 34.600.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt qua 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ tháng 2 năm 2008, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB- Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10 % tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

(4) Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay kế thừa lại theo các hợp đồng gốc sau:

(4.1) Hợp đồng số 08/2008/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2008. Thời hạn vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 6,9 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 205.304.527.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

(4.2) Hợp đồng số 01/2011/HDTDĐT-NHPT ngày 28 tháng 01 năm 2008. Thời hạn vay là 14 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 82.700.000.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm), Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

(5) Theo hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ vay dài hạn số 150/1497403/HĐ/01 ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay chuyển giao theo hợp đồng gốc số 150/2006/151 ngày 13 tháng 2 năm 2006. Tổng số tiền nhận nợ gốc là 27.500.000.000 đồng và 556.000 USD. Kỳ hạn trả nợ gốc theo quý, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là quý 4 năm 2020. Lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay gồm nhà xưởng và máy móc thiết bị của phân xưởng PE(thuộc nhà máy Đại Cường 1) của Công ty; tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng, các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty là bên thụ hưởng.

Tại thời điểm 31/12/2025 các khoản vay đã quá hạn thanh toán là 774.094.985.391 đồng. Trong đó Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc Hà Nội quá hạn thanh toán là 485.894.154.530 đồng; Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình quá hạn thanh toán là 288.200.830.861 đồng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Hưng Yên, ngày 20 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1000400095 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
TP. THÁI BÌNH - T. THÁI BÌNH

ĐỖ VĂN SINH